

**QUY Y TAM BẢO
LỢI ÍCH CỦA PHẬT TỬ TẠI GIA**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**QUY Y TAM BẢO
LỢI ÍCH CỦA PHẬT TỬ TẠI GIA**

**Sa môn Thích Đạo Thịnh
Biên soạn**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI TỰA

Đức Phật vì một đại sự nhân duyên lớn mà xuất hiện nơi đời, mục đích chính là để “Khai - Thị - Ngộ - Nhập Phật tri kiến cho tất cả chúng sinh”.

Cảnh giới Sa Bà của chúng ta đang sống là một cảnh giới mê mờ đầy dục vọng tham, sân, si... chúng sinh phần lớn đều trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi. Trong Luật tạng đức Phật có dạy: “Ba cõi không yên, giống như nhà lửa. Muốn xa lìa các cõi khổ thì phải hướng về ngôi Tam Bảo, nguyện thọ trì Tam quy, giữ gìn cấm giới, bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện, kính Phật, trọng Tăng, phóng sinh, tu phúc, tụng kinh, sám hối... nhất định sẽ được thoát khổ”.

Trong thời gian qua, chư tôn đức Tăng Ni cùng quý liên hữu Phật tử trong đạo tràng đã nhiều lần thỉnh thị, ngưỡng mong tôi soạn một tập sách nhỏ để hướng dẫn cho các Phật tử biết được công đức và lợi ích của việc Quy

y Tam Bảo. Vì thời gian bận bẻ với công việc Phật sự nên nhiều lần tôi đã lỡ hẹn. Đầu xuân Bính Thân 2016 này, tôi đã cố gắng dành toàn tâm, toàn ý để soạn tập sách nhỏ “Quy Y Tam Bảo - Lợi ích của người phật tử tại gia” này để giới thiệu những phần khái quát nhất về công đức, lợi ích thù thắng của việc quy y Tam Bảo, ngõ hầu làm sáng tỏ những thắc mắc, hiểu biết sai lầm không nhỏ của một số Phật tử trước, trong và sau khi đã quy y. Tập sách nhỏ này chắc chắn sẽ giúp cho quý Phật tử biết được thế nào là Quy y, Tam Bảo là gì hay vì sao chúng ta phải quy y; quy y Tam Bảo có lợi ích gì...

Nếu như tập sách nhỏ này có đem lại chút lợi ích nào cho hàng Phật tử tại gia, xin đem công đức ấy hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ cùng hết thảy chúng sinh đồng sinh về Cực Lạc.

Phật lịch 2560

Sa môn Thích Đạo Thịnh

PHẦN I

ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1. Quy Y nghĩa là gì?

Quy là quay về, trở về; **Y** là nương nhờ, nương tựa. Vậy Quy y nghĩa là quay trở về nương tựa vào một nơi thanh tịnh, tin cậy, vững vàng nhất. Chúng ta từ vô thủy kiếp do khởi một niệm vô minh, si mê lầm lạc, rồi mãi chạy theo cảnh ngũ dục, lục trần gây tạo biết bao tội lỗi nên phải trôi lăn trong biển khổ sinh tử luân hồi. Nay nhờ vào chút duyên lành, sinh ra được làm người, lại được gặp Phật pháp, gặp ngôi Tam Bảo còn thường trụ, chúng ta phải nhanh chóng nắm lấy nhân duyên hiếm có này để mà nương nhờ vào ngôi Tam Bảo, ngõ hầu phát đại thiện tâm, làm theo lời Phật dạy, đoạn trừ các việc ác, tăng trưởng các hạnh lành, tiến tới bến bờ giải thoát giác ngộ giống như chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền. Vì vậy Quy y còn được hiểu là “kính vâng” hay “phục tùng”.

Nghĩa là phục tùng không chống trái, vâng làm theo lời Phật dạy.

2. Tam Bảo là gì?

Tam có nghĩa là ba, **Bảo** có nghĩa là báu. Tam Bảo có nghĩa là ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Trên thế gian những vật gì quý hiếm, ít có, khó tìm đều được gọi là Bảo, là Báu. Ví dụ như vàng, bạc, ngọc ngà... thì được gọi là châu báu, vật gì quý hiếm thì được gọi là vật bảo hay vật báu. Sau khi xuất gia, tu hành thành Phật, đức Thế Tôn đã chỉ dạy rằng: “Thế gian cho tiền tài, vàng bạc, ngọc ngà, danh vọng... là quý, đáng để truy cầu, rồi một đời hoang phí đuổi theo. Rồi cuộc tới khi định nghiệp đến, cảnh sinh, già, bệnh, chết hiện ra trước mắt, thiêu rụi, cuốn phăng, tước đoạt đi tất cả những gì mà người đó yêu quý, làm tương, chấp chước cho rằng nó sẽ mãi mãi ở bên mình. Tới khi đó nhân quả, định nghiệp rõ ràng, chỉ có cái nhân Thiện - Ác là hiện hữu để dẫn dắt thân thức của người đó đi tìm cảnh giới tái sinh ở đời sau”. Chính vì vậy mà

trong kinh Đức Phật có dạy rằng: “Nếu có chúng sinh nào muốn dứt trừ các khổ, hưởng sự vui vô thượng của Niết Bàn thì phải quy y Tam Bảo”. Thật vậy, chỉ có Tam Bảo mới có đủ công năng, diệu dụng để dìu dắt chúng ta từng bước, từng bước vượt qua những chông gai, chướng ngại, mê lầm trong biển khổ sinh tử, tử sinh luân hồi ấy.

Vậy Tam Bảo là gì mà lại có những năng lực lớn lao như thế? Như trên đã nói: Tam Bảo chính là ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Thiết nghĩ, đã là một Phật tử, chúng ta phải hiểu cho thật rõ ràng, tường tận thế nào là ba ngôi báu Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

Phật Bảo: Chữ “Phật” được phiên âm từ tiếng Phạn chữ “Bouddha” mà thành. Tiếng Hán dịch là Giác, Giác giả, Giác ngộ. Nghĩa là chỉ cho một bậc đã giác ngộ hoàn toàn, dựa trên ba phương diện Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn. Từ nguyên âm tiếng Phạn “Bouddha”, người Việt Nam chúng ta xưa kia thường hiểu và dịch là Bụt hay Ông

Bụt. Khi nói đến Phật, chúng ta phải hiểu là chỉ cho tất cả các Đức Phật mười phương ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai đã, đang và sẽ giác ngộ. Cũng có thể hiểu ám chỉ đích danh như: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật A Mi Đà, Đức Phật Dược Sư...

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhân vật lịch sử có thật tại thế gian này. Ngài thuộc dòng họ Thích Ca, được sinh ra ở miền trung xứ Ấn Độ cổ xưa, nay thuộc đất nước Nepal. Ngài đản sinh vào ngày trăng tròn tháng Vesak, tức ngày 15 tháng 4 âm lịch năm 624 trước Công nguyên. Sau khi đản sinh, Ngài được phụ vương Tịnh Phạn và mẫu hậu Ma Da đặt tên là Tất Đạt Đa. Tuy được sinh ra và lớn lên trong cảnh vàng son nhung lụa, là Thái Tử của một quốc gia giàu đẹp, hùng mạnh nhưng Thái Tử Tất Đạt Đa lại luôn nung nấu ý chí xuất trần. Thuở thiếu thời Ngài đã năm lần bảy lượt xin với phụ vương cho mình được xuất gia tu đạo, tầm cầu chân lý. Tuy nhiên tất cả những lần đó đều bị phụ

vương từ chối và còn ép buộc Thái Tử phải kết hôn với công chúa Da Du Đà La khi Thái Tử vừa tròn 16 tuổi.

Vì muốn làm vừa lòng Vua cha, Thái Tử Tất Đạt Đa chung sống với Công chúa Da Du Đà La được ba năm thì hạ sinh một đích tôn La Hầu La khôi ngô, tuấn tú cho vua Tịnh Phạn. Ngay trong đêm cả triều đình mở tiệc chúc mừng La Hầu La ra đời cũng chính là đêm mà Thái tử Tất Đạt Đa vượt thành xuất gia tầm cầu chân lý. Đó chính là ngày 8 tháng 2 âm lịch năm 605 trước Công nguyên. Sau khi Thái Tử cùng con ngựa Kiền Trắc và người hầu Xa Nặc vượt thành xuất gia, đi được một đoạn đường dài, tới một con sông nhỏ, Thái Tử đã dừng lại cắt bỏ râu tóc, cởi bỏ những trang phục quý giá trên thân trao cho người hầu Xa Nặc dẫn đem về trao lại cho phụ vương. Rồi một mình Thái Tử đầu trần chân đất, quần thô, áo vải thành thoi đi khắp các xứ Ấn Độ rộng lớn để tầm sư học đạo.

Trải qua 5 năm tầm cầu chân lý, Thái Tử đã tu học với rất nhiều các vị tu sĩ nổi tiếng lúc bấy giờ. Tuy nhiên, chân lý vẫn chưa thực sự được khai mở. Chính vì vậy mà Thái Tử đã quyết định đi sâu vào dãy núi Himalaya, Ngài chọn một chỗ vắng vẻ, ít người qua lại để ẩn cư, tu hành khổ hạnh, ép xác đến nỗi thân hình tiêu tụy. Trải qua 6 năm khổ hạnh tham thiền nhưng mà đạo tâm vẫn chưa bùng tỏ, Thái Tử quyết định xuống sông Ni Liên Thiên để tắm gội, mong cho tinh thần được thoải mái. Tuy nhiên do việc tu hành khổ hạnh ép xác đã làm cho Thái Tử thân hình tiêu tụy, sau khi tắm gội xong vừa lên tới bờ, Ngài đã kiệt sức và ngất lịm trên bờ cỏ. Thật may mắn lúc bấy giờ có một cô gái chăn bò đi qua nhìn thấy vị tu sĩ khắc khổ đang nằm yên bất động, cô đã nhẹ nhàng lấy từng giọt sữa mang theo nhỏ vào miệng vị tu sĩ, được một hồi lâu thì Thái Tử mới tỉnh lại.

Sau khi tỉnh lại, Ngài bắt chợt nhận ra chân lý Trung Đạo: “Người tu hành cũng

giống như vị nhạc sĩ tài ba chơi đàn. Nếu dây đàn quá căng thì sẽ bị đứt hoặc dây đàn quá chùng thì tiếng đàn sẽ không hay. Tương tự, nếu người xuất gia tu hành mà khổ hạnh ép xác một cách cực đoan thì đạo chưa chứng mà đã mất thân. Ngược lại, nếu xuất gia cầu đạo giải thoát rồi mà lười biếng, tham ăn, tham ngủ, mãi mê trong cảnh ngũ dục, lục trần thì mãi mãi hụp lặn trong biển khổ sinh tử luân hồi”. Sau suy nghĩ ấy, Thái Tử đã quyết định tìm tới một gốc cây cổ thụ và ngồi kiết già thiền định tại đó. Lần thiền định đặc biệt này, Ngài đã thề rằng: “Nếu không thành đạo, dù thịt nát xương tan, ta cũng không rời khỏi chỗ ngồi này”.

Trải qua 49 ngày đêm thiền định, thân tâm không hề dao động. Vào lúc canh hai đêm thứ 49, Ngài chứng được quả vị “Túc Mệnh Minh”, thấy biết rõ ràng tất cả cuộc đời của mình và chúng sinh trong những kiếp quá khứ. Đến nửa đêm, Ngài chứng được quả vị “Thiên Nhân Minh”, thấy được tất cả bản thể của vũ

trụ và nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư, Ngài hoát nhiên đại ngộ và chứng được tận cùng của sự giải thoát, đầy đủ công đức, trí tuệ, trở thành bậc thầy Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, lấy tên là Thích Ca Mâu Ni Phật, đầy đủ mười hiệu: “Nhu Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn”. Đó là ngày mồng 8 tháng 12 âm lịch năm 594 trước Công nguyên.

Sau khi đắc đạo thành Phật, Ngài đã phát khởi đại bi tâm, thương xót chúng sinh đắm chìm trong biển khổ sinh tử để mà thuyết pháp, ngõ hầu mong cho chúng sinh cũng được giải thoát, giác ngộ như Ngài. Bài pháp đầu tiên được Đức Phật tuyên thuyết chính là bài pháp “Tứ Diệu Đế”, nói về Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế để độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như. Ngay sau khi nghe được bài pháp này, cả năm anh em ông Kiều Trần Như đều chứng đắc quả vị A La Hán và

trở thành những vị đệ tử, Tăng sĩ giải thoát đầu tiên của Đức Phật. Kể từ đó, ở thế gian đã đầy đủ ba ngôi Tam Bảo đó là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Trải qua suốt 49 năm thuyết pháp, giáo hóa độ sinh không hề một, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã hóa độ được cho vô số chúng chur Thiên và loài người; nhần đến cả các loại chúng sinh, quỷ thần... cũng được Ngài cứu độ.

Tới khi Giác hạnh viên mãn, đến năm 80 tuổi, sắc thân của Ngài cũng thị hiện theo quy luật vô thường mà biến đổi. Vào ngày 15 tháng 2 âm lịch năm 544 trước Công nguyên, Đức Phật đã thị hiện nhập Đại Niết Bàn tại rừng Sa La Song Thọ, xứ Câu Ly, cách thành Ba La Nại chừng 120 dặm. Sau 7 ngày tầm liệm kim quan của Ngài, các vị quốc vương, môn đồ pháp quyến, bảy chúng đệ tử Tỷ khiêu, Tỷ khiêu ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đã nghiêm trang tổ chức lễ hỏa táng kim thân của Ngài. Sau khi hỏa thiêu, đại chúng phát hiện có rất nhiều Xá

Lợi, đầy đủ các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, cam, lục... lóng lánh rất đẹp.

Theo di chúc của Đức Phật, Xá Lợi của Ngài được chia thành ba phần chính. Một phần cho chư Thiên, một phần cho Long cung và một phần cho tám vị Quốc vương lớn trong đất nước Ấn Độ lúc bấy giờ để thờ phụng, cúng dàng, kết đại thiện duyên với vô lượng chúng sinh ở đời sau.

Đức Phật A Mi Đà là Đức Phật thành đạo ở thế giới khác - thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu trong các bộ kinh như: Kinh A Mi Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Bi Hoa, Kinh Đại Bảo Tích...

Đức Phật Dược Sư là Đức Phật thành đạo ở cõi Tịnh Lưu Ly phương Đông, cũng được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu trong bộ Kinh Dược Sư. Quý liên hữu Phật tử có thể tìm đọc Kinh Dược Sư và các bộ chú giải về Kinh Dược Sư sẽ rõ.

Ngoài ra, trong các bộ Kinh mà Đức Phật tuyên thuyết trong suốt 49 năm còn có rất nhiều các Đức Phật trong thời quá khứ đã nhập Niết Bàn; các Đức Phật hiện tại đang thuyết pháp độ sinh khắp mười phương thế giới; rồi lại còn có vô lượng vô biên các Đức Phật sẽ thành đạo trong tương lai để tiếp tục sự nghiệp giáo hóa độ sinh. Trong các Đức Phật tương lai đó có thể có cả chúng ta, nếu chúng ta học tập, tu đạo một cách chân chính, nhất định chúng ta cũng sẽ thành Phật để phổ độ chúng sinh như chư Phật mười phương.

Pháp Bảo: Chữ “Pháp” được phiên dịch từ Phạn văn chữ “Dharma” mà thành. Nghĩa là chân lý giác ngộ và phương pháp tu hành nhằm đưa chúng sinh tới bến bờ giải thoát, do chính Đức Phật nói ra hoặc là được Ngài ấn chứng. Như vậy ngoài giáo pháp của Đức Phật, trên thế gian này không còn một giáo pháp nào khác có thể giúp cho chúng sinh đạt đến sự giác ngộ rốt ráo, giải thoát như Phật. Vì thế, giáo pháp của Đức Phật

được tôn xưng là “ngôi báu thứ hai” trong ba ngôi báu. Ngôi báu này thường đề chỉ cho tam tạng Thánh điển Kinh, Luật, Luận của nhà Phật.

Tăng Bảo: Chữ “Tăng” là phiên âm từ Phạn văn “Sangha” mà thành. Tiếng Hán dịch từ “Sangha” là “Hòa hợp chúng”, nghĩa là một đoàn thể hòa hợp tu hành từ bốn người trở lên, cùng sống chung một chỗ, cùng nhau thụ trì giới luật của Đức Phật, sẻ chia những gì thu nhận được trong quá trình tu hành, học đạo, từ vật chất đến tinh thần... nhằm giúp đỡ, hỗ trợ cho nhau cùng tiến tới sự giải thoát, giác ngộ, xa lìa khổ đau. Tăng ở đây còn được hiểu là những vị thầy xuất gia chân chính. Quý Ngài chung sống thanh tịnh, hòa hợp từ bốn người trở lên theo giới luật của Đức Phật, thường xuyên thuyết pháp, giáo hóa cho chúng sinh biết cách phá mê, khai ngộ, bỏ ác, làm lành, lánh dữ, hành thiện... nhằm hướng tới bến bờ giải thoát, giác ngộ, dứt trừ mọi sự khổ đau trong cuộc sống.

Vì sao chúng ta phải quy y?

Trong kinh Đức Phật có dạy: “Nhân thân nan đắc - Phật pháp nan văn – chúng Tăng nan ngộ”. Nghĩa là “Thân người khó được - Phật pháp khó nghe - chúng Tăng khó gặp”. Đúng vậy, chúng ta sinh ra ở trên đời được thân người là khó, được gặp Phật pháp lại càng khó hơn, gặp Phật pháp rồi mong gặp được bậc minh sư chỉ dạy tu học đúng chính pháp thì lại càng khó hơn nữa. Nay chúng ta may mắn vượt qua được những chướng nạn ấy, chẳng mau chóng phát tâm quy y Tam Bảo, nương vào ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng để mà tu hành, mong cầu giải thoát thì còn chần chừ gì nữa?

Có rất nhiều người đã từng đặt ra câu hỏi hoặc khởi lên mối nghi rằng: “Vì sao phải quy y? Mình đầy đủ sức khỏe, trí tuệ, tiền tài, địa vị... thì làm sao phải quy y Tam Bảo? Phật giáo chỉ là một tôn giáo như bao tôn giáo khác, vậy làm sao cứ phải quy y Tam Bảo?...”.

Tại sao chúng ta phải quy y, nương tựa vào Phật bảo?

Vì Đức Phật chính là một con người bằng xương bằng thịt như chúng ta, Ngài đã vượt xa chúng ta để trở thành một bậc thầy. Một vị thầy đúng nghĩa để dìu dắt chúng ta, giúp chúng ta biết phá mê, khai ngộ, có thể một đời được tự do tự tại giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc của khổ đau. Vì Phật là một đấng thanh tịnh, sáng suốt. Trí tuệ của Ngài viên mãn không có gì là không biết, chẳng có gì là chẳng hay, thấu cùng tam giới, tỏ khắp mười phương. Lòng từ bi của Ngài vô lượng vô biên, công đức năng lực của Ngài tròn đầy viên mãn. Trên thế gian này chỉ có Phật mới đầy đủ cả ba yếu tố Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn. Do đó Đức Phật chính là một vị thầy vĩ đại nhất trong các vị thầy. Ngài đã chứng ngộ hoàn toàn trên những kinh nghiệm “tự thân tu tập, tự tâm chứng ngộ giải thoát”. Bằng những kinh nghiệm ấy, Đức Phật chính là chỗ nương tựa vững vàng nhất cho tất cả

chúng sinh đau khổ đang muốn tìm đường giải thoát, giác ngộ như Ngài.

Tại sao chúng ta phải quy y, nương tựa vào Pháp bảo?

Vì chỉ có phương pháp tu hành toàn thiện của Đức Phật đã tuyên thuyết mới dẫn dắt chúng ta thoát khỏi những sinh tử khổ đau trong sáu nẻo luân hồi. Giáo pháp của Đức Phật tuy nhiều nhưng không ra ngoài “Ngũ thừa Phật pháp”. Năm thừa ấy được sắp xếp tuần tự từ thấp đến cao như sau: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa hay còn được gọi là Phật thừa.

Sau khi thành đạo, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni quán sát thấy tất cả chúng sinh khi chưa được giải thoát đều trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi: Trời, Người, A Tu La, Súc Sinh, Ngã Quỷ và Địa Ngục. Trong sáu đường đó, ba nẻo trên được gọi là ba đường thiện, còn ba nẻo dưới thì gọi là ba đường ác. Vì phải chịu quả báo khổ đau chất chồng cho nên

trong kinh Phật gọi là “tam đồ khổ”. Vì thế, người tu hành muốn thoát khổ thì phải chọn con đường thiện để mà đi. Sáu đường này thì Trời là thiện nhất. Trời cũng có ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Nếu quý Phật tử muốn tìm hiểu tường tận thêm thì nên đọc tụng và nghe giảng “Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng”, hoặc cũng có thể tìm đọc và nghiên cứu qua các kinh sách, bài giảng của Phật giáo.

A Tu La được gọi là cõi trung thiện vì cái nhân đời trước tu phúc nhưng sự nóng nảy chưa trừ nên sau khi thọ sinh phải đi vào đường này. Nẻo này bao gồm những vị quỷ thần mà nhân gian thường gọi. A Tu La cũng được chia thành ba loại: Loại có phúc thì ở gần Trời, đặc điểm của loại này là con gái rất đẹp, còn con trai thì lại xấu xí nhưng có sức khỏe phi thường. Tuổi thọ, phúc báo gần bằng cõi Trời Tứ Thiên Vương, nhưng vì tính sân nhiều nên thường khởi chiến sự, ưa thích đánh nhau. Loại phúc báo vừa phải như là

Thần Cây, Thần Núi... hoặc ở Đền ở Miếu... chuyên nhận sự cúng dàng của đàn na tín thí khắp mọi nơi. Loại kém phúc hơn thì trú ngụ nơi gốc cây, bụi cỏ... chờ có sự sơ hở của mọi người thì ra tranh giành, cướp lấy công đức, phúc báo của người khác mà tồn tại. Vì vậy, người tu hành, học Phật muốn thoát ly sinh tử đừng để khởi tâm sân hận mà lạc vào nẻo này. Cũng đừng khởi lòng tham lam, chấp trước, si mê mà đọa vào ba đường ác.

Chúng ta có thể tìm hiểu thêm một chút về pháp tu của Ngũ Thừa ở trong nhà Phật.

Vậy người tu theo Nhân thừa là tu như thế nào?

Người tu theo Nhân thừa trước phải phát nguyện quy y Tam Bảo. Vì quy y Tam Bảo chính là cánh cửa hướng thiện đầu tiên. Sau đó nếu chúng ta muốn sinh ra tiếp tục được làm người thì phải tiến tới thụ trì và giữ gìn năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu. Làm người ai ai trong chúng ta cũng mong ước

cho gia đình mình được an vui, hạnh phúc và trường thọ. Trong kinh Đức Phật có dạy: “Nếu muốn trường thọ thì không được sát sinh, không chỉ không sát sinh mà còn phải thường xuyên hộ phúc, phóng sinh, cứu vật...”, làm được như thế thì lo gì chẳng được thọ mạng lâu dài. Lại nói: “Nếu muốn thường được an vui thì đừng nên trộm cắp, cũng chớ nói dối, nói sai sự thật, nói lừa dối chiêu, nói lời hung ác. Nếu muốn hạnh phúc bền lâu thì đừng có tà dâm, tà hạnh. Phật dạy: “Phật tử tại gia nếu không phải là vợ chồng chính đáng thì không được quan hệ tình ái, cũng không nên rượu chè bê tha, say xỉn suốt ngày vì rượu chính là mầm mống sinh ra các tội lỗi, rượu đã làm nát tan hạnh phúc của biết bao gia đình...”. Nói tóm lại, người tu theo Nhân thừa thì phải phát nguyện quy y Tam Bảo và giữ gìn năm giới mà Đức Phật đã tuyên thuyết ở trên.

Thế nào là tu theo Thiên thừa?

Tu theo Thiên thừa ngoài việc phát nguyện quy y Tam Bảo, giữ gìn năm giới

người đó còn phải tu tập thêm mười việc lành. Trong kinh Phật thường gọi là “Thập thiện nghiệp đạo”. Mười việc thiện ấy được Đức Phật chia thành ba nhóm thuộc về thân, khẩu và ý tuân tữ như sau:

Nghiệp về thân: Chúng ta ai ai cũng ham sống, sợ chết muốn được bình an, khỏe mạnh và trường thọ vậy nên không được sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Trong kinh A Hàm Đức Phật có dạy rằng: “Tất cả các loại chúng sinh có mạng sống, loại nào cũng ham sống sợ chết”. Thật vậy, chúng ta sinh ra đều có ông bà, cha mẹ, nhữn đến vợ chồng, con cái... người người đều muốn cho bản thân mình, gia đình mình được bình an, vậy thì nữ lòng nào lại sát sinh hại vật? Nữ lòng nào lại nấu nướng chặt băm, uống máu ăn thịt các loại chúng sinh kém phúc? Chúng ta ai ai cũng muốn giữ gìn, bảo vệ tài sản của mình được an toàn vậy nên Đức Phật đã dạy các đệ tử của mình không được trộm cắp. Vì trộm cắp là hạnh ác, hạnh xấu không phải hành động

của bậc chính nhân quân tử. Người tu theo hạnh Thiên thừa nhất định không làm tà dâm, tà hạnh là việc làm của loài súc sinh, phải luôn giữ gìn tiết hạnh, chế phục lòng dâm, khiến cho tâm dục yếu dần, thân thể được khinh an, nhẹ nhàng, trường thọ.

Nghiệp về khẩu: Khẩu nghiệp có bốn loại: vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu.

Vọng ngôn nghĩa là nói sai sự thật, nói phải thành quấy, nói đúng thành sai, nói sai thành đúng. Người tu hạnh Thiên thừa về khẩu nghiệp phải luôn nói những lời chân thật. Nếu nói dối một lần mà cảm thấy không có lỗi thì tất sẽ có lần thứ hai, lâu dần tật ấy sẽ thành quen. Thường thì người nói dối một lần rồi thì lần sau phải nói dối tiếp để che đậy cái dối trước, dần dần không còn che đậy được nữa thì xảy ra hành động sai lầm, dễ tạo nghiệp xấu, dẫn tới hậu quả khôn lường cũng tại bởi nghiệp nói lời không chân thật.

Ý ngữ là nói lời thù dết, nói lời trau chuốt, dùng ba tác lưỡi để xúi bẩy người này,

chọc giận người kia, khiến cho họ phải tán gia bại sản, thậm chí là thân bại danh liệt. Ôi cái lỗi của nghiệp *Y ngữ* thật nặng nề! Trong kinh Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng có dạy rằng: “Kẻ phạm tội này sau khi chết phải đọa vào địa ngục kéo lưỡi cho trâu cày”, thật chẳng đáng kinh đáng sợ ư?

Lưỡng thiệt là nói lưỡi đôi chiều, dân gian thường nói là “kẻ hai lưỡi”, “kẻ nói lời đâm bị thóc chọc bị gạo” hay “kẻ nói lời đòn sóc hai đầu”. Nghĩa là kẻ ở chỗ người này thì nói chuyện xấu của người kia, ngược lại ở chỗ người kia thì đi nói chuyện xấu của người này. Nói qua nói lại khiến cho họ hiểu lầm nhau, ganh ghét nhau, khinh bỉ, coi thường nhau, thậm chí là khởi tâm thù hận với nhau, chửi nhau, đánh nhau, giết nhau. Khiến cho tình bạn chia cắt, gia đình ly tán, quốc gia loạn lạc... những tội lỗi của nghiệp nói lưỡi đôi chiều thật đáng sợ. Trong kinh có dạy: “Những kẻ phạm tội này khi còn sống thường đánh mất lòng tin với người, tới khi chết phải đọa lạc vào địa ngục

kéo lưỡi, bị quỷ vương lấy dao cắt lưỡi, lấy nước đồng sôi đổ vào trong miệng”.

Ác khẩu: Nghĩa là nói lời hung ác, nguyên rủa, chửi mắng bằng những lời cay độc. Khiến cho người nghe phải uất hận, căm phẫn, thậm chí tìm cách quyên sinh vì lời nói cay nghiệt, hung ác đó. Người tu hành theo hạnh Thiên thừa không chỉ không nói lời hung ác mà còn phải nói lời chân thật, từ hòa, dễ nghe... khiến cho người nghe luôn cảm thấy được an tâm, hoan hỷ, từ đó họ phát khởi niềm tin, tín kính Tam Bảo, tu học Phật pháp, bỏ ác lành lành, lánh dữ hành thiện, cùng nhau hướng về các thiện pháp để hành trì, khiến cho tội diệt phúc sinh, là nhân lành để hưởng quả báo tốt đẹp của cõi Trời.

Nghiệp về ý: Đức Phật dạy người tu hành “Thập thiện nghiệp đạo” về ý không được khởi tham, sân, si. Vì tham, sân, si chính là cội gốc của sinh tử, là căn bản sinh ra tất cả các tội lỗi. Vì là tế nghiệp, nghiệp không có hình tướng nên những người bình thường rất

khó nhận biết. Chỉ khi nào nó khởi ra tác dụng, tạo tác cấu nghiệp thì chúng ta mới có thể nhận ra. Do đó mà Đức Phật đã dạy: “Phải luôn quán sát, điều phục, chế định tâm ý của mình. Dùng diệu tâm vô tướng để điều phục ý nghiệp vô hình. Lấy thiện pháp, giới luật, thiên định, niệm Phật... để chế ngự ác nghiệp tham, sân, si khiến cho tâm ý dần dần được thanh tịnh”. Như vậy người tu theo Thiên thừa Phật giáo thời phải tránh được mười điều ác nghiệp về thân, khẩu và ý vừa nêu trên.

Thế nào là tu theo Thanh Văn thừa?

Sau khi tu hành thành Phật, vì muốn cứu độ chúng sinh thoát khỏi luân hồi cho nên Đức Phật đã quán xét thấy nhân duyên của năm anh em ông Kiều Trần Như sẽ do pháp Tứ Diệu Đế mà được đắc độ, vậy nên Đức Phật Ngài đã đi đến vườn Lộc Uyển để chuyển bánh xe pháp. Tại đó Ngài đã khai giảng về Khổ Đế. Vì tất cả chúng trong cõi Nam Diêm Phù Đề này khi chưa được khai ngộ, chưa được giải thoát, thì hết thảy đều

phải chịu chung một số phận bởi những nỗi khổ như sinh, già, bệnh, chết; cầu mong mà không vừa lòng toại ý cũng khổ; yêu thương mà phải cách xa, chia lìa, ly tán cũng khổ; oán ghét mà phải chung sống, vào ra gặp mặt sinh tâm bất như ý cũng khổ; năm ấm không hòa hợp sinh ra tật bệnh nhiệt não cũng khổ. Nhấn đến cái khổ này chồng chất lên cái khổ kia gọi là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ, có đến vô lượng vô biên những nỗi khổ, khổ chẳng thể nói hết. Chúng ta nếu ai đã từng trải qua một vài trong những nỗi khổ ấy thì mới cảm nhận được lời dạy đúng đắn của Đức Phật như thế nào. Không chỉ các loại chúng sinh phải chịu những nỗi khổ về sự vô thường, biến đổi, ly tán kia mà còn nhấn đến khí thể gian, các sự vật hiện tượng hữu hình cũng đều phải chịu chung một quy luật biến dịch, vô thường gọi là thành, trụ, hoại, không.

Ngay sau khi nói về Khổ Đế, Đức Phật liền nói về nguyên nhân của những sự khổ, đó

chính là Tập Đé. Tập là sự kết tập, do tích tụ những thói quen tật xấu như tham lam, sân hận, si mê, kiêu căng, ngã mạn, nghi ngờ, ham ăn ngon, ưa mặc đẹp... mà tạo nghiệp. Từ đó các nghiệp dấy khởi, tạo tác vô lượng vô biên tội lỗi, tất cả đều do những tập khí xấu ác mà trôi lăn lặn hụp, vay trả, trả vay trong sáu nẻo luân hồi.

Đức Phật chỉ dạy: “Nếu muốn dứt trừ các khổ tất phải dừng ngay các việc tạo tác”, tức là dừng lại không gieo thêm mầm mống của khổ đau nữa. Trong giáo lý Phật Đà gọi đó là Diệt Đé. Ví dụ như muốn diệt nỗi khổ do sắc dục mang lại, Đức Phật dạy tu tập, thực hành quán thân bất tịnh; người nhiều sân hận, Đức Phật dạy thực hành quán từ bi... Đó chính là dùng phương tiện để diệt khổ. Khổ kia diệt hết thì tâm khai trí sáng, đức độ viên tròn.

Đức Phật quán xét thấy có chủng chủng vô lượng vô biên các loại chúng sinh, mà mỗi mỗi chúng sinh thì lại có những sự sai biệt, căn tính khác nhau. Vậy nên, Đức Phật

phải nói ra các phương pháp diệt khổ, các phương pháp ấy thường được gọi là Đạo Đế. Đạo tức là con đường. Đế tức là chân lý, là như thực pháp không hề biến đổi, dù trăm nghìn Đức Phật thời vị lai cùng xuất hiện cũng đều nói như thế. Vì là phương pháp diệt khổ cho nên Đức Phật đã như thật nói ra các phương pháp đó như là: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chính Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... người nghe nếu dùng những phương tiện tương ứng, thích hợp này để tu tập, hành trì thì các cấu nghiệp dần dần sẽ được diệt hết, tâm địa được tự do tự tại, rỗng lặng, thanh thanh tịnh tịnh, liền chứng bốn địa vị của bậc thánh là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán. Đây chính là phương pháp tu tập và quả vị tu chứng của hàng Thanh Văn thừa.

Thế nào là tu tập theo Duyên Giác Thừa?

Đức Phật dạy vạn sự vạn vật đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Không có

một sự vật, hiện tượng nào là tự nhiên tồn tại độc lập cả. Ví dụ như cái bàn, không phải tự nhiên mà có cái bàn, mà nó phải hội đủ nhân duyên là cây, gỗ, đinh, sắt... rồi cộng với tư duy, ý thức, bàn tay khối óc con người tạo nên, xong rồi đặt cho nó một cái tên gọi là “Cái bàn”. Từ đó các sự vật, hiện tượng khác mà suy ra cho đến tận cùng cũng đều như thế. Vì vậy Đức Phật mới nói ra mười hai pháp gọi là “Thập Nhị Nhân Duyên” như sau: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lão Tử.

Vô minh tức là sự mê mờ, phiền não che lấp linh tính của chúng ta từ vô thủy kiếp cho đến tận ngày nay. Chính bởi vô minh cho nên chúng sinh khởi tâm động thân phần lớn đều làm theo những hành động ác như là sát, đạo, dâm, vọng... nay người tu theo

pháp Nhân duyên, hướng đến địa vị giải thoát, liền thay đổi hành động ác bằng hành động thiện như là không sát sinh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ... chính là hành động thiện. Nếu không dừng các việc ác thì nghiệp đó sẽ thúc đẩy thân thức đi thụ sinh. Thức thường dựa vào nhân duyên giao thoa, phối hợp giữa tinh cha, huyết mẹ mà thành. Khi thành rồi thì gọi là Danh sắc, cũng gọi là thân thể. Thân thể thời dựa vào các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà sinh khởi nhận thức. Ví dụ như đứa trẻ khi mới sinh, tuy cũng đầy đủ các căn nhưng sự nhận thức về các sự vật, hiện tượng bên ngoài chưa đầy đủ, mà phải do sáu căn tiếp xúc với sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài dần dần mới có những cảm thụ. Thụ chính là thụ nhận, sự tiếp thu do chính các căn khi tiếp xúc với các trần cảnh mà khởi tâm phân biệt, khởi tâm chấp trước, rồi sinh tâm ham ưa, đắm nhiễm... gọi chung là ái. Ái tức là yêu thương, yêu

thương không muốn bỏ, muốn giữ mãi bên mình thì gọi là Thủ. Thủ tức là sự nắm giữ, cho rằng cái đó là của ta, do ta sở hữu và nó mãi mãi sẽ ở bên ta... chấp như vậy thì gọi là Hữu. Hữu tức là có, có ở đây chính là có ta, có người, có cái này là của ta, cái kia là của người... do khởi vọng tâm chấp ngã như vậy cho nên mới phải luân hồi đầu thai tiếp tục sinh ra. Khi đã có Sinh thì tất phải có Lão Tử, tức già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu... Hạng người có tri thức, trí tuệ vừa nghe Đức Phật dạy liền sinh tâm vui mừng, phát tâm tinh tiến, nỗ lực tu hành, quán sát mười hai nhân duyên trên là do các duyên hòa hợp, hội tụ mà thành. Nay muốn thoát ly sinh tử, muốn chứng quả vị giải thoát liền chặt đứt, đoạn trừ được một trong những nhân duyên trên thì sẽ được thành tựu. Người tu tập theo phương pháp này mà được giải thoát thì gọi là Duyên Giác hay Độc Giác Thánh quả.

Thế nào là tu tập theo Bồ Tát thừa?

Bồ Tát Thừa hay còn gọi là Phật Thừa. Đó chính là những phương pháp tu tập thâm sâu, tối thượng trong nhà Phật. Các pháp đó tuy nhiều nhưng cũng có thể sơ lược kể ra như “Tứ vô lượng tâm” là Từ vô lượng tâm, Bi vô lượng tâm, Hỷ vô lượng tâm và Xả vô lượng tâm. Hành giả tu theo hạnh này thời phải phát Đại Bồ Đề Tâm, quán sát chúng sinh chính là đối tượng để cho ta hành đạo. Họ chửi ta, đánh ta, mắng ta... ta cũng không giận, không ghét. Ngược lại, ta phải khởi tâm từ vui vẻ, tâm bi thương xót, tâm hỷ không nóng giận, tâm xả không chấp chước để mà đối đãi, tiếp độ họ, giúp cho họ dần dần cũng được giải thoát, giác ngộ đó chính là hạnh tu của Bồ Tát.

Bồ Tát theo nguyên âm tiếng Phạn là “Bodhisattva”. Phiên âm là Bồ Đề Tát Đỏa hay Ma Ha Đế Tát Đỏa, dịch nghĩa là Giác Hữu Tình. Tức là người hay giác ngộ chúng sinh, luôn đem công đức, trí tuệ, sự hiểu biết như thật của mình để phá mê, khai ngộ cho

mọi người, mọi loài, không phân biệt, không chấp trước... khiến cho họ đều được giải thoát như mình hoặc hơn mình thì gọi là Bồ Tát, là Giác Hữu Tình. Bồ Tát nếu muốn tiến tu đạo nghiệp, muốn viên thành Phật quả thì phải thực hành Lục Độ, Vạn Hạnh. Lục độ chính là sáu pháp Ba La Mật: Bố Thí Ba La Mật, Trì Giới Ba La Mật, Nhẫn Nhục Ba La Mật, Tinh Tiến Ba La Mật, Thiền Định Ba La Mật, Trí Tuệ Ba La Mật.

Bồ Tát hành hạnh Bố Thí không khởi tâm phân biệt “ta là người cho, người là kẻ nhận và cũng không thấy tài vật, nhẫn đến thân thể máu thịt của mình để đem cho”. Bồ Tát dù xuất gia hay tại gia, khi phát nguyện thụ trì, vâng giữ giới luật của Phật để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, viên thành Phật quả, các Ngài đều gìn giữ đầy đủ, dù cho đó là các tiêu tiết oai nghi, tế hạnh nhỏ nhất. Không chỉ như vậy, Bồ Tát còn thường thị hiện làm bậc thầy mô phạm để dạy bảo chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết bỏ ác

làm lành, hướng tới các hành động từ ý nghĩ, lời nói cho đến việc làm đều là thiện. Bồ Tát thường tu hạnh Nhẫn nhục không nóng nảy, không giận dữ, không hận thù. Dù cho chúng sinh có chửi mắng, đánh đập hay giết hại... Bồ Tát cũng hoan hỷ đón nhận. Cũng giống như tiền thân của Đức Phật xưa kia, khi còn hành Bồ Tát đạo, bấy giờ Ngài là một vị tu sĩ, thường ẩn cư trong rừng sâu núi thẳm. Một hôm có vị Quốc vương nước đó cùng đám tùy tùng và cung tần đi săn. Khi Quốc vương và đám tùy tùng cận vệ ham mê đuổi theo con mồi, bỏ lại sau lưng cả đám cung tần. Đám cung tần do không đuổi kịp nên đã tìm tới những bóng cây cổ thụ. Bất chợt họ nhìn thấy một vị tu sĩ với nét mặt tươi sáng, hoan hỷ đang thiền định dưới một gốc cây gần đó. Cả đám rủ nhau tiến lại, qua vài câu chào hỏi xã giao, họ đều nhận ra đây chính là một vị tu sĩ thân thiện, từ hòa, nhân ái, trí tuệ, đầy lòng từ bi. Rồi đám cung tần từ từ ngồi xuống, họ vây quanh vị tu sĩ và cung kính hỏi han về các phương pháp tu tập và

thực hành đạo đức. Vị tu sĩ vui vẻ trả lời các câu hỏi. Cả người nghe và người giảng đều rất chú tâm, họ quên mất thời gian đã vùn vụt trôi đi, chẳng mấy chốc ánh mặt trời đã ngả về đằng tây. Bấy giờ, vị Quốc vương cùng đám tùy tùng đã quay lại, họ tìm khắp chốn cũ mà không thấy các cung tần đâu. Sau một hồi lâu lùng sục, cuối cùng họ cũng đã tìm thấy đám cung tần đang mãi mê ngồi quanh nghe vị tu sĩ giảng đạo. Họ mãi mê đến nỗi khi đức vua tới họ cũng không biết để đứng dậy chào. Vị Quốc vương thấy vậy liền dùng đòn roi nổi giận, cho rằng vị tu sĩ kia đã mê hoặc các cung tần của vua. Vua liền tiến đến với nét mặt căm phẫn, liền tuốt gươm ra chỉ thẳng vào mặt của vị tu sĩ mà quát hỏi rằng: “Ngươi đang làm gì với đám cung tần của ta?”. Vị tu sĩ đáp: “Tôi đang trả lời những thắc mắc cho đám cung tần của bệ hạ”. Vua kia lại quát: “Ngươi thật to gan, ngươi có biết ngươi là ai mà dám thuyết pháp dạy bảo cho đám cung tần của ta!”. Vị tu sĩ ôn tồn trả lời: “Tôi biết tôi là ai và tôi cũng biết những

người xung quanh là ai, họ đang cần nơi tôi cái gì, chính vì thế mà tôi đã thuyết pháp cho họ”. Quốc vương lại càng tức giận liền lao tới hét to lên rằng: “Người tu hành đã chứng được gì mà dám lộng ngôn nói càn nói quấy?”. Vị tu sĩ đáp: “Tôi đã đạt được sắc sắc không không, nhân ngã đều sạch, không còn chấp trước vào bất cứ sự đổi thay nào bên ngoài nữa”. Nghe vậy Vua liền vung gươm cắt tai, chặt tay, chặt chân vị tu sĩ. Vị tu sĩ vẫn thản nhiên bất động. Thấy vậy, Quốc vương liền dừng gươm hỏi rằng: “Ta cắt tai, chặt tay, chặt chân người mà người không đau đớn, không thù hận ta sao?”. Vị tu sĩ đáp: “Tôi cũng như ông, thân thể của tôi cũng như thân thể của ông, ông lấy gươm cứa vào thân thể của mình, nếu ông biết đau thì tôi cũng biết đau, chỉ có điều là tâm ông thù hận còn tôi thì không”. Quốc vương kia liền hạ giọng hỏi rằng: “Người nói vậy thì lấy gì làm bằng chứng?”. Vị tu sĩ đáp: “Nếu lời nói của tôi là thật, tâm tôi không hận thù là thật thì nguyện cho dòng máu đỏ đang

tuôn trào liền biến thành dòng sữa, thân thể tôi được hoàn lại như cũ”. Lời nguyện vừa dứt xong, bỗng dòng máu tươi biến thành dòng sữa, tai, mắt, tay, chân bị cắt liền hoàn nguyên trở lại. Đức Vua thấy vậy liền quỳ xuống ăn năn sám hối. Tu sĩ kia hoan hỷ nhận lời và còn phát nguyện rằng: “Tới khi thành Phật, tôi sẽ tìm ông để độ cho ông trước”. Trong kinh Hiền Ngu Đức Phật nói: “Ông vua khi đó chính là ông Kiều Trần Như, còn vị tu sĩ kia chính là Đức Phật, các đệ tử đang ngồi xung quanh chính là đám cung tần mỹ nữ và bọn tùy tùng”. Công đức, lợi ích của việc tu hành hạnh Nhẫn nhục lớn lao như vậy. Thiết nghĩ chúng ta cũng nên tham khảo, tuy chưa thực hành được nhưng cũng gieo được chút duyên lành từ bi vào trong biển rộng nội tâm.

Pháp tu tiếp theo của Bồ Tát sau pháp tu Nhẫn nhục là pháp tu Tinh Tiến Ba La Mật. Tinh tiến chính là một lòng hướng đến, luôn tiến về phía trước, không quản ngại khó khăn, gian khổ để thực hành các thiện pháp. Nói

tóm lại, tất cả các việc lành Bồ Tát đều tinh tiến, nỗ lực thực hành, dù biết đó là một việc nhỏ nhắn đến các việc làm lớn lao khó hoàn thành thì Bồ Tát cũng quyết tâm không từ bỏ, đó gọi là Tinh Tiến Ba La Mật. Ví dụ như Bồ Tát Địa Tạng, Ngài đã phát đại thệ nguyện “chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật”. Nghĩa là chúng sinh độ hết mới chứng Bồ đề, địa ngục chưa trống không chưa thành Chính Giác”. Đó là một việc khó, có thể nói là rất khó làm, rất khó để hoàn thành được tâm nguyện đó. Thế nhưng vì thấy chúng sinh khổ, chúng sinh chìm đắm trong sáu nẻo luân hồi, cho nên Bồ Tát mới phát đại bi tâm, thương xót chúng sinh như người mẹ thương con đỏ, ngày đêm thuyết pháp giáo hóa độ sinh, chỉ mong cho chúng sớm được tỉnh ngộ, sớm nhận ra được để mà tìm về. Tìm về đâu? Tìm về với bản tính Chân Như của mình. Bản tính ấy Thiền sư Trung Phong nói rằng: “Tại Thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm”. Trong “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa” Đức Phật

dạy rằng: “Ta đây là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”. Nếu chúng sinh không có đầy đủ cái bản tính Chân Như ấy thử hỏi làm sao Đức Phật lại có thể thụ ký cho họ như vậy? Kinh Đại Bảo Tích viết: “Chỉ tại một niệm bất giác, vọng tưởng khởi lên, chúng sinh mê lầm vọng chấp đuổi theo, lâu ngày nhiều kiếp che mờ mất bản tâm rồi si mê lặn hụp trong sinh tử”. Cũng như chiếc gương, bản tính vốn luôn chiếu sáng, nhưng do bụi bẩn bao phủ lâu ngày cho nên chẳng thể phản chiếu các vật hiện qua.

Bồ Tát nhận thấy chúng sinh tuy đang chìm đắm lặn hụp trong sinh tử, thế nhưng nếu được tiếp độ, được chỉ dạy tận tình, họ có thể nỗ lực vượt qua để tu tập, hành đạo, để rồi được tự do tự tại trong cõi đời ngũ trược, trở thành bậc Hiền nhân, nhân đến các quả vị Thánh Hiền, Bồ Tát và Phật. Cho nên Tinh Tiến Ba La Mật chính là pháp hành của bậc Đại Nhân, bậc đại trí tuệ, sẽ tiến tới viên thành Phật quả của mình trong tương lai.

Bồ Tát không chỉ dừng lại ở phương diện độ tha mà còn nỗ lực thiên định, tự thân tu tập, tự tâm muốn chứng ngộ quả vị giải thoát nên cũng thường thiên định, tụng kinh, trì chú, niệm Phật... thường trụ trong Thiên định Ba la mật, làm bậc thầy mẫu mực để dẫn dắt chúng sinh.

Bồ Tát thường phát Đại Bồ Đề Tâm, thệ nguyện cung kính cúng dàng tất cả các Đức Phật. Hộ trì, thụ giáo với hàng hà sa số chư Phật để thành tựu Đại Trí Tuệ. Dem ánh sáng trí tuệ ấy để dạy bảo chúng sinh, khiến cho chúng sinh cùng được giải thoát, cùng được giác ngộ. Trong “Kinh Đại Bát Nhã” Đức Phật có dạy rằng: “Trí tuệ là mẹ của chư Phật. Tất cả chư Phật trong ba đời đều do Bát Nhã Ba La Mật mà sinh ra”. Chúng ta cũng thường nghe ở trong nhà Phật có câu “Duy tuệ thị nghiệp”, nghĩa là chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp của người tu. Thật vậy, chúng ta nếu không có trí tuệ, không có sự hiểu biết thì chúng ta không thể thành tựu được việc gì trong cuộc sống,

huống chi là mong cầu thành Phật thành Bồ Tát u! Sáu pháp Ba La Mật trên là những pháp tu căn bản không thể thiếu của một hành giả muốn thực hành Bồ Tát đạo. Ngoài ra Bồ Tát còn phải thực hành và thành tựu vô lượng vô biên các thiện pháp từ nội tâm bên trong đến các oai nghi tế hạnh bên ngoài nữa.

Tóm lại, “Ngũ thừa Phật giáo” là phương tiện để hướng chúng sinh tu tập dần dần từ thấp tới cao. Đức Phật, Ngài đã biết được tận cùng căn tính của mỗi chúng sinh, biết rõ chúng sinh có vô lượng căn cơ, cho nên phải dùng vô lượng phương tiện để hóa độ chúng. Chính vì vậy mới có Tam thừa hay Ngũ thừa trong nhà Phật.

Trong quyển sách nhỏ này, tuy nói về lợi ích của việc quy y Tam Bảo, nhưng Phật tử chúng ta cũng có thể tham khảo, có thể học để biết. Biết đâu trong tương lai các quý vị phát được đại thiện tâm, muốn tiến lên để thành tựu các thừa đó. Điều đó có thể xảy ra đối với tất cả chúng ta. Đại lão Hòa Thượng thượng

Tịnh hạ Không thường dạy rằng: “Chỉ cần nhìn thấu, buông xả, nhất tâm niệm Phật, một đời cầu nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, được vãng sinh rồi thì lo gì chẳng thành Phật”. Như vậy chúng ta thấy rằng “Quy y Tam Bảo” chính là cánh cửa, thêm bậc, nấc thang đầu tiên để tiến tới tu hành và thành tựu các thừa pháp trong nhà Phật.

Tại sao chúng ta phải quy y, nương tựa vào ngôi Tăng Bảo?

Như trước đã nói Tăng Bảo chính là một trong ba ngôi báu. Có công năng giúp cho chúng ta phá mê khai ngộ. Tăng ở đây là chỉ cho chư vị Tỷ khiêu, Tỷ khiêu ni thanh tịnh chung sống với nhau cùng một trụ xứ từ bốn người trở lên. Họ cùng nhau tu học trên tinh thần lục hòa kính, lấy hạnh nguyện “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh” làm lý tưởng hành đạo. Bởi vậy những vị Tăng ấy chính là sứ giả của Đức Như Lai, đem chính pháp của Như Lai để truyền bá ở thế gian, ngõ hầu làm thay đổi những tà kiến của chúng sinh, khiến

cho chúng sinh biết bỏ vọng về chân, tiến tu đạo lành. Lại nữa, Tăng Bảo ở đây còn chỉ cho mười phương vô lượng vô biên chư Hiền Thánh Tăng. Các ngài đã tu chứng được bốn quả vị của bậc thánh là Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán. Các ngài tự do tự tại trong sinh tử, không còn phiền não, làm ruộng phúc điền cho hết thảy thế gian như là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp... Có hằng hà sa số các vị Thánh Tăng khắp mười phương như thế, các Ngài chỉ thị hiện nhập Niết Bàn, chứ thực ra các Ngài vẫn đang hiện hiện quanh ta, dùng các tướng mạo, thân hình khác nhau để dẫn dắt, phổ độ chúng ta. Có người ngông cuồng bảo rằng: “Tôi chỉ cần quy Phật, quy Pháp chứ không cần quy y nương tựa vào Tăng. Vì thời này không có vị Tăng nào tu hành chân chính, không có vị Tăng nào đắc đạo như thời xa xưa”. Chúng ta phải biết rằng trong cõi đời ngũ trược ác thế này Thánh - Phàm ở chung. Vậy chúng ta biết đâu là Thánh, đâu là Phàm? Đã không thể phân biệt Thánh - Phàm thì làm sao chúng ta lại có thể

khởi tâm ngã mạn bảo không quy y, không nương tựa? Lại nữa, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thánh Tăng đều từ phàm phu mà thành. Hôm nay họ là một phàm Tăng, nhưng ai dám khẳng định ngày mai họ không phải là một vị Bồ Tát? Và lại, ba ngôi Tam Bảo chính là do Đức Phật nói ra. Giống như chiếc đỉnh ba chân, thiếu một không thể đứng vững được vậy. Vậy mới có câu “Đạo tại Tăng hoằng”, nghĩa là giáo pháp của Phật phải nhờ vào chư Tăng hoằng dương mới được tỏa sáng. Chúng ta thử nghĩ xem, nếu một ngày nào đó trên thế gian này không còn bóng dáng một vị Tăng nào thì giáo pháp của Đức Phật có tồn tại được không? Không thể, chắc chắn là không thể! Đó chính là một thời kỳ đen tối, khổ đau nhất đang đến với nhân loại, đến với chúng sinh. Vì vậy khi là một Phật tử chúng ta thường nghe một câu nói quen thuộc được truyền lại từ ngàn xưa “trọng Phật thì phải kính Tăng” là có ý nghĩa sâu xa của nó. Vì trong Tam Bảo có sự, có lý viên dung đầy đủ. Lý - Sự bổ trợ, tương hỗ lẫn nhau tạo thành một chân lý viên dung, nhiệm màu.

PHẦN II

BA BẬC TAM BẢO

Khi nói đến Tam Bảo phần lớn quý liên hữu Phật tử chúng ta nghĩ rằng chỉ có một bậc Tam Bảo đó là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Như trên đã nói “Tam Bảo có Sự - Lý viên dung đầy đủ. Lý - Sự hỗ trợ tương hỗ lẫn nhau tạo thành một chân lý viên dung nhiệm màu”, cho nên ở đây chúng ta cũng phải tìm hiểu, nghiên cứu sâu thêm một chút về ba bậc Tam Bảo đó là Đồng Thể Tam Bảo, Xuất Thế Gian Tam Bảo và Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo.

Đồng Thể Tam Bảo.

Đồng Thể Phật Bảo: Tức là nói tất cả chúng sinh cùng chư Phật đồng một thể tính thanh tịnh sáng suốt. Thể tính ấy trong Kinh Phật nói nó vốn viên dung, tròn đầy, thanh tịnh, sáng suốt tại Thánh không tăng, tại Phàm cũng chẳng giảm. Đó chính là Diệu

Minh Chân Tính hay còn gọi là Bồ Đề Tâm, Bản Tâm, Bản Giác... Chúng sinh và Phật đồng nhau không khác.

Đồng Thể Pháp Bảo: Tức là nói tất cả chúng sinh cùng chư Phật đồng một pháp tính từ bi bình đẳng. Bản tính từ bi, bình đẳng của chúng sinh và Phật vốn không hai không khác. Chỉ tại vọng tâm dấy khởi nên mới có kẻ mê người ngộ. Mê thì gọi là chúng sinh, ngộ thì gọi là Phật. Phật thì dùng lòng từ bi, trí tuệ bình đẳng phổ độ chúng sinh; còn chúng sinh thì mê muội, hận thù dùng lòng bòn xén, tham lam, keo kiệt để đối đãi mọi người. Trên phương diện bản thể thực ra từ bi, bình đẳng, tham lam, keo kiệt... vốn không hai không khác. Như trong “Bát Nhã Tâm Kinh” Đức Phật có dạy: “... Này Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế...” là chỉ cho Pháp tính từ bi bình đẳng của chư Phật và tất cả chúng sinh vậy.

Đồng Thể Tăng Bảo: Tức là nói tắt cả chúng sinh cùng chư Phật đồng một thể tính thanh tịnh, sự - lý hòa hợp viên dung. Trên phương diện Chân Đế mà nói cái thể tính thanh tịnh, hòa hợp của chúng sinh và Phật vốn không hai không khác. Cũng giống như hình bóng của ngàn vạn mặt trăng chiếu soi trên các dòng sông, giọt nước. Trong đó chẳng phải mặt trăng trên dòng sông to đẹp sáng sủa hơn, cũng chẳng phải mặt trăng trên giọt nước nhỏ bé tối tăm hơn. Vì sao? Vì trăng kia vốn là một, chỉ có một chứ không hai. Chỉ là nước trong trăng hiện, nước đục trăng ẩn. Nước dù còn hay hết thì trăng vẫn y nguyên tồn tại. Thể tính thanh tịnh, hòa hợp viên dung của chúng sinh và Phật cũng y như vậy.

Xuất Thế Gian Tam Bảo.

Xuất Thế Gian Phật Bảo: Đây là chỉ cho các Đức Phật đã thành như là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật A Mi Đà, Đức Phật Dược Sư, Đức Phật Đa Bảo... Tất cả các Đức

Phật trong mười phương thế giới đã tự giác ngộ, công đức trí tuệ viên mãn, đầy đủ mười hiệu, tự do tự tại giải thoát ra khỏi mọi sự ràng buộc của thế gian.

Xuất Thế Gian Pháp Bảo: Đây là chỉ cho giáo pháp của Đức Phật. Nó có công năng giúp cho chúng sinh thoát mê khai ngộ, chứng đắc Thánh quả, tự do tự tại thoát khỏi mọi sự ràng buộc của thế gian. Các pháp ấy như là Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ... Nói tóm lại, Xuất Thế Gian Pháp Bảo chính là Tam tạng Thánh điển Kinh - Luật - Luận của nhà Phật.

Xuất Thế Gian Tăng Bảo: Đây là chỉ cho các vị Thánh Tăng tu hành đã chứng đắc thánh quả A La Hán như là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp... Các Ngài chính là những vị sứ giả, Trưởng tử của Như Lai, đem giáo pháp của Đức Như Lai để truyền bá phổ độ chúng sinh, khiến cho chúng sinh đồng được giải thoát, giác ngộ.

Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo.

Thế Gian Trụ Trì Phật Bảo: Đây là nói sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, tất cả hình tượng, tranh ảnh, Xá Lợi của Ngài đều được gọi là *Thế Gian Trụ Trì Phật Bảo*. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh ở đời sau này, khi Đức Phật nhập Niết Bàn rồi, nếu có ai nhìn thấy tranh ảnh, tôn tượng hay Xá Lợi của Ngài mà phát khởi lòng thành, cung kính chiêm bái, đỉnh lễ cúng dàng... thời người đó cũng được công đức như là đỉnh lễ, cúng dàng kim thân của Đức Phật khi Ngài còn tại thế.

Thế Gian Trụ Trì Pháp Bảo: Đây là chỉ cho tam tạng Thánh điển Kinh, Luật, Luận của Phật giáo, nó được viết hay in, tạc trên giấy, trên vải, trên lá, trên đá, trên đồng, trên sắt... nhằm lưu lại lâu dài những lời dạy của Đức Phật ở thế gian để giác ngộ chúng sinh.

Thế Gian Trụ Trì Tăng Bảo: Đây là chỉ cho các vị Tỷ Khiêu, Tỷ Khiêu Ni xuất gia tu đạo. Họ phát nguyện, thụ trì đầy đủ cấm giới

của Phật để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, trên thì khát cầu giáo pháp của Phật để minh tâm kiến tính, dưới thì tùy duyên tùy nguyện để giáo hóa chúng sinh, nhằm khiến cho ngôi Tam Bảo chẳng bị đoạn tuyệt vậy.

PHẦN III

SỰ QUY Y TAM BẢO

Sau khi chúng ta hiểu rõ thế nào là quy y Tam Bảo rồi, tất nhiên chúng ta cần phải thực hành sự hiểu biết ấy. Thực hành bằng sự tướng cung kính, vâng theo giáo huấn Tam Bảo. Như thế nào gọi là Sự quy y Tam Bảo?

1. Sự Quy Y Phật Bảo: Nghĩa là chúng ta luôn luôn nhớ tưởng đến Phật, cung kính, đảnh lễ, cúng dàng, trì niệm danh hiệu Phật. Trong thời mạt pháp này, chúng ta thấy thế gian trụ trì Phật bảo chính là Xá Lợi, tôn tượng, tranh ảnh của Ngài. Vậy nên Sự Quy Y Phật chính là nương vào tranh ảnh, tôn tượng, Xá Lợi của Đức Phật để làm đối tượng sở lễ. Nghĩa là chúng ta phải quán sát, coi tranh ảnh, tôn tượng, Xá Lợi của Đức Phật như chính Ngài còn tại thế để mà cung kính, cúng dàng. Có như vậy chúng ta mới thực sự khai phát được căn lành, mới thực sự phát được Bồ Đề Tâm. Như vậy Sự Quy Y Phật có nghĩa là chúng ta

phải giữ gìn, bảo vệ tranh ảnh, tôn tượng, Xá Lợi của Phật. Chúng ta nhìn thấy tôn tượng hư hỏng, tranh ảnh cũ nát chúng ta phải cùng nhau tu sửa chạm, vẽ, in, khắc, sơn phết lại. Vì tôn trọng cung kính Phật cho nên khi thấy chùa tháp đổ nát, hoang sơ, tiêu điều chúng ta cũng phải cùng nhau góp của góp công để tu sửa lại, thường xuyên lui tới để làm công quả, quét tước, dọn dẹp khiến cho nơi chùa tháp thờ Phật được trang nghiêm, sạch sẽ, thanh tịnh. Quý Phật tử chúng ta cũng có thể cung thỉnh tôn tượng, tranh ảnh của Phật, Bồ Tát để an trí thờ phụng tại gia đình. Sáng tối chiêm bái đỉnh lễ cúng dàng tôn tượng của Ngài. Phẩm vật cúng dàng thấy đều tùy tâm, thường thì thắp một tuần hương, dùng ba chén nước trong tinh sạch, hoa quả, bánh kẹo tùy tâm... không được cúng rượu thịt. Nếu có thời gian thì hai thời công phu tụng Kinh niệm Phật thì càng tốt. Khiến cho chốn gia đình được ấm cúng, yên vui, mát mẻ, hiện đời được phúc báo tốt đẹp, kiếp sau thường sinh về cõi lành.

2. Sự Quy Y Pháp Bảo: Hàng ngày phát nguyện thụ trì đọc tụng, nghiên cứu làm theo tam tạng Thánh điển Kinh, Luật, Luận là chân chính quy y Pháp Bảo. Tức là chúng ta nương vào lời dạy của Đức Phật để mà hành trì, tu học khiến cho tâm tính ngày một sáng ra. Vì chỉ có giáo pháp của Đức Phật mới giúp ta thoát khỏi khổ đau sinh tử luân hồi. Giáo pháp ấy được Đức Phật nói ra để chúng sinh học tập, nghiên cứu, hành trì nhằm tiêu trừ nghiệp chướng, khiến cho tâm ý thanh tịnh, tự do tự tại không bị ràng buộc bởi ác nghiệp đau khổ của thế gian. Ấn Quang Đại Sư nói: “Lễ Phật một lễ phúc sinh vô lượng, niệm Phật một câu tội diệt hà sa”. Lại nói: “Người chăm chỉ tụng Kinh niệm Phật nghiệp chướng sẽ được tiêu trừ”. Trong “Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng” cũng nói: “Người nào thụ trì đọc tụng Kinh này sẽ được vô lượng vô biên công đức”. Lại nói: “Người nào đọc tụng một bộ Kinh này thời được một trăm lần sinh lên cõi Trời Đạo Lợi, vĩnh viễn xa rời ba

đường ác đạo”. Lại nói: “Nếu có thiện nam tín nữ nào ở đời sau này được nghe Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng mà dốc lòng cung kính, tán thán, khen ngợi, cúng dàng, thụ trì đọc tụng thời người đó sẽ được hưởng hai mươi tám điều lợi ích như là thường được chư thiên hộ vệ, được quả báo lành, thân thể khỏe mạnh... cho đến người đó quyết định sẽ thành Phật”. Đây chính là Đức Phật đặc biệt tán dương, khen ngợi về công đức thụ trì chính pháp. Vậy quý vị Phật tử chúng ta phải nên tinh tiến tu học, phát nguyện một đời nương vào giáo pháp của Đức Phật để cầu thoát ly sinh tử. Trong “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa” Đức Phật nói rằng: “Nếu có ai được nghe Kinh này thời người đó nhất định sẽ thành Phật”. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói: “Người đọc tụng, thụ trì Kinh này được vô lượng công đức”. Lại nói: “Cuối thời kỳ mạt pháp, các Kinh Luận diệt hết, duy chỉ còn một câu A Mi Đà Phật là tồn tại thêm một trăm năm. Bây giờ nếu có chúng sinh nào trì niệm

câu Phật hiệu ấy người đó sẽ được giải thoát”. Ôi đây thật là tấm lòng đại từ đại bi phổ độ chúng sinh của Đức Phật vậy! Công đức lợi ích của việc quy y - nương tựa vào Pháp bảo lớn lao như vậy, thế mà chúng ta không mau chóng phát khởi tín tâm để mà tu học ngõ hầu sớm được ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi ư!

3. Sự Quy Y Tăng Bảo: Chúng ta thường nghe người xưa nói: “Kính Phật thì phải trọng Tăng”. Thật vậy, nếu chúng ta thờ Phật, lạy Phật, kính Phật bao nhiêu thì chúng ta cũng phải cung kính, tôn trọng chư Tăng bấy nhiêu. Vì chư Tăng chính là “sứ giả của Đức Như Lai”. Cũng giống như người xưa họ cung kính tôn trọng Quốc vương của họ, khi gặp Quốc vương họ cung kính lễ lạy, khi gặp sứ giả mang Chiếu chỉ, Bảo ấn, Thượng phương Bảo kiếm... đại diện cho Quốc vương thì họ cũng đều cung kính lễ lạy. Cho dù gặp hay không gặp Quốc vương họ đều lễ lạy bằng tất cả tấm lòng thành kính. Ôi pháp thế gian còn như vậy huống chi là pháp xuất thế gian. Ở thế gian

ông Vua chỉ bảo hộ, cấp đất cho họ, tạo duyên lành cho họ làm ăn, sinh sống mà họ còn coi trọng lễ nghĩa như vậy huống chi là trong Phật Pháp. Trong Phật Pháp ba ngôi Tam Bảo chính là ruộng phúc điền, là kho báu vô giá, là lầu nhà điện các... để dung nạp, trưởng dưỡng, nuôi lớn giới châu tuệ mệnh cho họ, khiến cho họ được phá mê khai ngộ, bỏ vọng về chân, tiến thẳng tới bến bờ giải thoát, giác ngộ và thành Phật. Vì ân nghĩa lớn lao ấy cho nên quý Phật tử chúng ta mỗi khi nhìn thấy chư tôn đức Tăng Ni, những người xuất gia tu hành chân chính, chúng ta phải khởi thân cung kính vái chào. Không được nhìn những lỗi nhỏ của chư Tăng mà đi rao nói, bàn tán, tẩy chay hoặc nói rằng: “Từ nay ta không tin vào Tam Bảo nữa, ta không đi chùa nữa, ta không quy y Tăng nữa. Tăng Ni như thế không xứng đáng để ta lễ lạy, không xứng đáng để ta cúng dàng, không xứng đáng để ta theo học...”. Nếu là Phật tử mà chúng ta khởi tâm suy nghĩ hoặc rao nói những lời như vậy thì chúng ta thật không phải là một Phật tử. Chúng ta là những

kẻ phá đạo, tất sẽ mãi mãi đọa lạc trong ba đường ác đạo. Trong Kinh Đức Phật có dạy: “Chỉ có những con trùng nhỏ bé trên thân con sư tử mới có thể giết chết được sư tử” là ý này vậy. Và lại chư Tăng cũng có người này người khác. Có kẻ phạm trai phá giới, ăn thịt uống rượu... cũng có người giới đức tinh nghiêm. Cả một đời họ phát nguyện cống hiến cho sự nghiệp tu hành, trên thì lấy giáo pháp của chư Phật để làm mô phạm cho mình, dưới thì hiện đầy đủ oai nghi tế hạnh để giáo hóa chúng sinh. Những vị Tăng Ni xuất gia như thế thật đáng kính trọng, đáng để chúng ta nương vào học tập tu hành. Ấn Quang Đại sư có dạy: “Người học đạo chỉ nên nhìn lỗi mình chứ đừng nhìn lỗi người”.

Lại nữa, Sự Quy Y Tăng chính là chúng ta phải luôn thân cận chư Tăng, thỉnh cầu chư Tăng chỉ dạy cho biết các pháp môn trong Phật giáo để thực hành. Vì trong Phật pháp có tới tám vạn bốn nghìn pháp môn tu, nếu không có chư Tăng chỉ dạy, chúng ta rất dễ bị

lầm đường lạc lối, dễ bị ngộ nhận, chưa chứng cho mình đã chứng, rốt cuộc bị mắc vào lưới ma, tới khi đó dù cho Đức Phật có xuất hiện trên đời cũng không thể cứu được. Cho nên người xưa có câu: “Không thầy đố mày làm nên” là vậy. Ở đời không có một bậc vĩ nhân nào là không có thầy. Vì thầy chính là ánh sáng soi đường chỉ lối cho chúng ta; thầy ban cho ta kiến thức, mở ra cánh cửa trí tuệ, giúp cho chúng ta có được niềm tin, ý chí để vững bước vào đời...

Đối với đạo giải thoát, chư Tăng chính là bậc thầy khả kính để chúng ta nương vào tu tập. Có những lúc phiền não, những lúc gia sự rối ren... chúng ta tìm đến với Thầy, Thầy có thể đưa ra lời khuyên xác đáng, giúp chúng ta nhận ra lỗi lầm. Thầy còn có thể giúp chúng ta giải trừ phiền não, củng cố niềm tin và định hướng cho chúng ta trên bước đường học Phật. Chính vì những công đức to lớn của người Thầy như vậy cho nên mỗi khi tới chùa hoặc gặp gỡ chư Tăng, quý Phật tử chúng ta

thường phải chấp tay cung kính xá chào “A Mi Đà Phật”, “Nam Mô A Mi Đà Phật” hoặc “A Di Đà Phật”, “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “Mô Phật”. Đây chính là thể hiện tấm lòng thành kính, tri ân, báo ân của hàng ngũ tín đồ Phật tử của chúng ta đối với chư Tăng vậy. Có người mới nghe hoặc nhìn thấy như thế họ thắc mắc và cho rằng: “Đạo Phật không công bằng. Tại sao các Phật tử lớn tuổi bằng cha bằng mẹ, thậm chí còn lớn tuổi hơn cả ông bà của vị Tăng kia mà vị Tăng kia lại bắt các cụ xá chào và xưng là con...”. Rồi cũng có một số Phật tử mới quy y Tam Bảo, chưa được học, chưa được tiếp cận với chư Tăng nhiều cho nên còn ngỡ ngàng với cách xưng hô, xá chào chư Tăng mỗi khi tới chùa. Vậy là một Phật tử đã quy y Tam Bảo chúng ta phải ứng xử, xưng hô, xá chào với chư Tăng như thế nào cho đúng phép? Chúng ta chỉ cần thành kính, thật lòng cầu đạo, coi chư tôn đức Tăng Ni cũng như Đức Phật để mà ứng xử. Chúng ta xưng hô là “con” đối với chư Tăng là để tỏ lòng thành kính, tôn

trọng tất cả ba ngôi Tam Bảo, chứ không phải chỉ riêng đối với vị Tăng ấy.

Lại nữa, Sự Quy Y Tăng Bảo là khi chúng ta phát nguyện quy y, chúng ta phải đối trước một vị Tăng hoặc một vị Ni, cầu thỉnh quý thầy thay mặt chư Tăng trao truyền pháp Tam Quy cho chúng ta. Khi phát nguyện thụ trì Tam Quy, thân chúng ta phải đối trước tranh ảnh, tôn tượng của Phật. Tâm chúng ta phải thành kính, thanh tịnh để cầu thụ giới. Miệng chúng ta phải phát nguyện, tuyên đọc theo sự hướng dẫn và chứng minh của chư Tăng. Có như vậy chúng ta mới đắc được giới thể, mới thực sự trở thành một Phật tử tại gia chân chính.

Có một số người không biết, tự cho mình đã là Phật tử nhưng thực ra họ chưa phải là một Phật tử chân chính. Vì sao? Vì họ đã thụ Tam Quy không đúng như pháp.

Thế nào gọi là thụ Tam Quy không đúng như pháp? Xin được nêu ra một số trường hợp sau: Thứ nhất: Khi vị đó phát nguyện thụ Tam

Quy nhưng trong lòng vị đó không thanh tịnh, không thành kính hoặc sinh tâm nghi ngờ, không có niềm tin vào Tam Bảo. Thứ hai: Vị đó thụ Tam Quy không đúng như pháp, nghĩa là vị đó không cầu thỉnh chư tôn đức Tăng Ni đến để chứng minh và hướng dẫn quy y cho mà lại đi mời một Phật tử hoặc một ông thầy cúng, thầy đồng bóng... để truyền giới Tam Quy cho mình. Thứ ba: Người thân trong gia đình gửi tiền để đăng ký danh sách quy y hộ, thực lòng vị đó không biết hoặc không có niềm tin để quy y Tam Bảo. Thứ tư: Dù là người có tâm, có niềm tin vào Tam Bảo nhưng tới ngày giờ quy y, vị đó không tới nơi để quy y mà lại đi chơi với bạn bè, đi xem phim... rồi bảo người thân, hoặc nhà chùa quy y hộ và sau đó gửi điệp quy cho.

Tóm lại, Sự Quy Y Tam Bảo là chúng ta phải phát khởi đầy đủ niềm tin vào Tam Bảo. Phải quy y và thụ pháp như đã nói trên. Phải kính Phật, trọng Tăng. Phải tinh tiến thụ trì đọc tụng Kinh điển và gần gũi minh sư cầu

thầy học đạo. Phải sám hối nghiệp chướng và phát khởi tâm lành. Đối với ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em bạn bè hàng xóm láng giềng phải hòa thuận, trên kính dưới nhường. Đối với các loại chúng sinh phải khởi lòng từ bi thương xót. Phải phát nguyện bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện... để dần dần hoàn thiện lời phát nguyện quy y của mình.

PHẦN IV

LÝ QUY Y TAM BẢO

Lý Quy Y Tam Bảo có ý nghĩa rất sâu xa, huyền diệu. Vì nó thuộc về bên trong tâm tính của chúng ta. Tức là chúng ta phải dấy khởi tín tâm, chí thành chí kính để mà thực sự Quy y tự tính Tam Bảo ở bên trong mình. Cách Quy y này Đại lão Hòa Thượng thượng Tịnh hạ Không nói: “Quy y Phật là Giác mà không mê; Quy y Pháp là Chính mà không tà; Quy y Tăng là Tịnh mà không nhiễm”. Thật vậy, nếu chúng ta chỉ dừng lại ở Sự Quy Y (Quy y Tam Bảo theo phong trào, theo hình thức cho có lệ) mà không hoàn thiện Lý Quy Y ở trong tâm, thì vẫn chưa thực sự là một Phật tử. Vì trong mỗi mỗi chúng sinh vốn vẫn đầy đủ tự tính thanh tịnh sáng suốt của Tam Bảo cho nên hàng ngày chúng ta phải phát nguyện và thực hành Lý Quy Y hay còn gọi là Tam tự quy y như sau:

1. Lý Quy Y Phật Bảo: Hay còn gọi là Tự Quy Y Phật. “Tự” ở đây nghĩa là mình đối với tự tâm mình. Tự mình trở về với Phật tính từ bi bình đẳng sáng suốt của mình. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Đức Phật nói rằng: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính”. Phật tính ấy được ví như ánh trăng trên bầu trời, nó vẫn thường hằng, hiển nhiên như vậy; dù cho bầu trời trong xanh hay u ám thì trăng kia vẫn luôn tỏa sáng. Tự tính của chúng ta cũng như vậy. Khi thành Phật nó cũng không lớn thêm, mà làm chúng sinh nó cũng chẳng bé nhỏ hay mất đi. Đó gọi là “tại Thánh không tăng mà tại Phàm cũng chẳng giảm” là vậy. Chúng sinh do quên mất Bản Tâm, mê lầm vọng chấp rồi đuổi theo ngũ dục, lục trần nên mãi trôi lăn trong dòng sinh tử luân hồi. Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền các Ngài luôn sống với Bản Tâm nên tự do tự tại làm chủ bản thân.

Phải biết Phật tính của chúng ta dù có bị vọng tưởng, vô minh che lấp sâu dày nó cũng chẳng mất đi. Vì vô minh, vọng tưởng, tham

dục... chỉ là những đám mây đen che phủ bên ngoài. Gió thổi - mây tan, trời trong - trăng hiện. Hãy tinh tiến nỗ lực để quy y - quay trở về với Phật tính ở tại tâm mình. Luôn dùng một câu Phật hiệu “**A Mi Đà Phật**” hoặc “**Nam Mô A Mi Đà Phật**” để đánh đuổi mây mê rồi ánh trăng tự tính của chúng ta sẽ tự nhiên hiển hiện.

2. Lý Quy Y Pháp Bảo: Còn gọi là Tự Quy y Pháp. Trong tâm ta có đầy đủ Pháp tính từ bi, trí tuệ và bình đẳng... chúng ta cần phải phát huy các đức tính ấy. Nghĩa là chúng ta phải phát tâm Bồ Đề rộng lớn, phải tinh tiến nương vào giáo pháp của Đức Phật để làm phương tiện tu hành; phải thường tu tập thiền định, nghe giảng, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm việc thiện... để cho Pháp tính của mình luôn luôn tỏa sáng.

3. Lý Quy Y Tăng Bảo: Còn gọi là Tự Quy y Tăng. Nghĩa là tự quy y với tự tính thanh tịnh, hòa hợp của mình. Trong kinh Đức Phật có dạy: “Bản thể của Tăng già là

hòa hợp, thanh tịnh”. Chúng ta phần lớn chỉ biết quy y với chư Tăng bên ngoài (Sự quy y Tăng) còn ông Tăng bên trong thì lại không biết hoặc bị bỏ quên. Từ vô thủy do si mê không biết trong bản tâm mình vốn cũng đầy đủ tự tính thanh tịnh và hòa hợp. Nay nhờ có Đức Phật chỉ dạy, chúng ta cần phải mau chóng nhận ra để mà quy y, để mà nương tựa. Làm được như vậy tức là chúng ta đã thực sự Quy Y Tăng Bảo vậy.

Nói tóm lại, Lý Quy Y Tam Bảo chính là chúng ta tự quay về sống với tự tính Giác Ngộ, Từ Bi, Thanh Tịnh, Bình Đẳng sáng suốt của mình. Không si mê, nóng giận, tham lam, chấp trước... cũng gọi là Lý Quy y Tam Bảo chân chính vậy.

PHẦN V

QUY Y TAM BẢO CÓ LỢI ÍCH GÌ?

Nếu chân thật Quy y Tam Bảo, chúng ta sẽ được tội diệt phúc sinh, trí tuệ khai mở, bình an mạnh khỏe, tội chướng tiêu trừ, được công đức lợi ích thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Có thể tạm nói ra một vài điều lợi ích thiết thực cụ thể như sau:

Giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Vì sao quy y Tam Bảo lại giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Vì tự tính của Tam Bảo là “**Giác**”, “**Chính**” và “**Tịnh**” cho nên nếu chúng ta chân thật quy y chính là chúng ta đang trở về với bản tính Thanh Tịnh, Từ Bi, Bình Đẳng sáng suốt của mình. Lại nữa, gần gũi Tam Bảo chúng ta sẽ được thâm nhuần bởi công đức trí tuệ của Tam Bảo. Vì Tam Bảo có một nguồn năng lượng đặc biệt, năng lượng Giác Ngộ và Từ Bi. Nương tựa vào đấng Giác Ngộ chúng ta sẽ cảm thấy an tâm hơn, thanh thản hơn, giải thoát hơn. Cho nên người xưa thường nói:

“Gần gũi bậc trí tuệ cũng như đi trong sương sớm, tuy không ướt áo nhưng cũng được thấm nhuận và mát mẻ”. Lại nói: “Giống như vào rừng hương, tuy không phải là hương nhưng cũng đượm mùi thơm”. Thật vậy, ở trong biển sinh tử luân hồi nếu chúng ta biết ăn năn sám hối, biết trở về cái thiện, chắc chắn chư Phật, Bồ Tát sẽ không bỏ rơi chúng ta. Các Ngài sẽ vì bản nguyện mà thường trụ giúp đỡ chúng ta, soi đường chỉ lối cho chúng ta, khiến cho chúng ta được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn, trí tuệ khai mở. Như trong “Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng” có nói: “Ở đời sau này, nếu có thiện nam tín nữ nào mà được nghe Kinh này, nghe rồi sinh tâm hoan hỷ, thụ trì đọc tụng, người đó sẽ được Bồ Tát Địa Tạng thị hiện vô biên thân hình để tế độ cho”. Lại nữa: “Nếu có thiện nam tín nữ đối với Kinh điển Đại thừa hoặc giáo lý nhà Phật mà học mãi không nhớ, học trước quên sau... người đó nghe được Kinh Địa Tạng mà nhất tâm thọ trì đọc tụng thời sẽ được Bồ Tát Địa Tạng dùng thần lực để khai mở trí tuệ

cho...”. Thời Đức Phật còn tại thế, Ngài có một vị đệ tử tên là Chu Lợi Bàn Đà Già do đời trước xuất gia tu tập xén pháp cho nên đời này sinh ra được làm người tuy được gặp Phật, được xuất gia trong chính pháp của Phật nhưng ông lại ngu độn đến nỗi chỉ có hai chữ mà học mãi cũng không thuộc. Vì vậy mà anh trai ông là Chu Lợi Bàn Đạc Già đã trách mắng đuổi về không cho tu nữa. Bị đuổi về ông khóc lóc thảm thiết, Đức Phật nghe tiếng khóc bèn cho gọi A Nan vào hỏi nguyên do. A Nan đem chuyện đó bạch Phật, Phật bèn cho gọi Chu Lợi Bàn Đà Già tới, Bàn Đà đem hết sự tình kể lại. Đức Phật nghe xong ôn tồn bảo: “Vậy giờ ông còn muốn xuất gia nữa không?”. Bàn Đà thưa: “Bạch Đức Thế Tôn, con rất muốn xuất gia”. Đức Phật nói: “Vậy từ nay Như Lai độ cho ông xuất gia”. Rồi Đức Phật bảo nên làm công quả, chấp lao phục dịch quét sân Tinh xá hàng ngày. Hơn ba năm tu hành chuyên làm công quả, công việc của ông là quét sân và học đi học lại hai chữ “tây trần” mà Đức Phật đã dạy. Vì quá ám độn học được

chữ trước ông lại quên chữ sau, được chữ sau lại quên chữ trước. Một hôm khi đang quét lá, cái sân ông vừa quét xong sạch sẽ bỗng một cơn gió thoảng qua đã làm những chiếc lá vàng rơi lả tả. Ngay khi nhìn những chiếc lá rơi ông bỗng ngộ ra chân lý vô thường của thế gian, tâm tính lặng trong, hoát nhiên đại ngộ, chứng đắc thánh quả A La Hán, đầy đủ thần thông và trí tuệ. Từ đó ông tự do tự tại thuyết pháp, trí tuệ thông suốt như dòng nước chảy.

Qua câu chuyện này chúng ta thấy công đức vô lượng vô biên của việc quy Y Tam Bảo như thế nào. Người nhất tâm quy y và làm theo lời Phật dạy chắc chắn sẽ được phá mê khai ngộ. Chỉ có điều là chúng ta tin và làm được tới đâu thì ngộ được tới đó mà thôi. Hãy xem tấm gương của Chu Lợi Bàn Đà Già, chỉ dùng một niềm tin tuyệt đối gọi là “Y giáo phụng hành”, vâng theo lời Phật dạy mà trí tuệ khai mở, công đức tròn đầy, viên thành Thánh quả. Ôi chúng ta là hạng người nào mà chẳng mau chóng noi theo để sớm đạt được kết quả?

Giúp chúng ta không đọa đường ác.

Tin Phật Phật độ, tin Ma Ma giết. Đây là câu nói thật chí tình chí lý của người xưa. Đã là một Phật tử chúng ta phải có đầy đủ niềm tin vào Tam Bảo. Vì Tam Bảo chính là chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp tu hành cầu học đạo của chúng ta. Trong “Đại Trí Độ Luận”, Bồ Tát Long Thọ nói rằng: “Phật pháp đại hải tín vi năng nhập, trí vi năng độ”. Nghĩa là: “Trong biển Phật pháp có niềm tin mới vào được, có trí tuệ mới độ được”. Đúng vậy, nếu quý vị Phật tử chúng ta đối với Tam Bảo mà còn khởi một niệm tâm nghi ngờ thì chúng ta vẫn chưa mở được lối vào, chẳng thể tiếp nhận được pháp lạc giải thoát của Phật Đà. Còn nếu chúng ta có niềm tin, chắc chắn chúng ta sẽ được độ thoát. Đời nhà Đường ở bên Trung Quốc có ông Trương Thiện Hòa, khi còn trẻ làm nghề sát sinh, tới khi bệnh nặng tướng địa ngục hiện ra. May mắn bấy giờ có vị Tăng đi ngang qua, thấy vậy vị Tăng liền dạy ông cách sám hối và nhất tâm niệm

Phật. Ông liền tin theo và phát lồ sám hối, một lòng niệm Phật được vài ngày thì vãng sinh. Trước khi vãng sinh chẳng những mọi đau đớn không có mà còn hét to lên rằng: “Phật đến đón tôi rồi! Phật đến đón tôi rồi!”, nói xong liền thanh thân mà đi, hương thơm lan tỏa khắp nhà. Khi còn đi học ở Học viện Phật giáo Việt Nam, tôi có đọc được một câu chuyện trên báo Giác Ngộ nói về một viên phi công người Mỹ. Năm 1973 anh ta theo lời chỉ thị của cấp trên lái máy bay đánh phá miền Bắc Việt Nam. Vừa tới Hải Phòng chưa kịp thả bom thì máy bay đã bị trúng đạn. Anh ta cố quay đầu để trở về căn cứ. Vừa về tới vùng biển miền Trung thì máy bay của anh ta mất thăng bằng và bị rơi xuống biển. Trong khi máy bay rơi anh ta đã nhất tâm trì niệm “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát! Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát ...”. Thật lạ lùng thay, một chiếc phi cơ quân sự to lớn như vậy khi chạm nước biển thì lại nổi bồng bênh. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau thì đồng đội của anh ta mới

tới cứu trợ. Cả anh ta và vị phi công phụ lái vừa được đưa lên trực thăng cứu hộ thì chiếc máy bay kia liền chìm sâu xuống đáy biển. Câu chuyện hi hữu này được chính anh ta kể lại sau gần 30 năm khi có dịp quay trở lại Việt Nam năm 2003. Lại một câu chuyện nữa khi tôi mới về trụ trì và hoằng pháp tại Chùa Khai Nguyên. Một hôm có mấy người ở xã Cổ Đông (một xã gần chùa Khai Nguyên) tới chùa, trên khuôn mặt của họ đều hiện rõ những sự lo âu và xin được gặp tôi. Sau khi được tôi tiếp, họ bi ai đề đạt rằng muốn tôi giúp đỡ. Tôi bảo họ có gì cứ từ từ mà nói. Họ bảo: “Gia đình họ có cô con dâu mới đi làm ở khu nghỉ dưỡng cao cấp Asean Hòa Lạc. Không biết vì sao bỗng nhiên một hôm đi làm về cứ cười cười nói nói một mình, không ăn không ngủ thế rồi sinh bệnh từ đó. Gia đình đã mời thầy cúng khắp nơi về để cúng bái, kể cả tới các bệnh viện chữa trị cũng không khỏi. Nay gia đình nghe người ta bảo nhà chùa có thể cứu được”. Vừa nghe qua tôi đã biết ngay

đó là bệnh gì. Và cũng biết mình có thể cứu được nếu như họ có đủ lòng tin. Để chắc chắn, tôi đã hỏi thêm một số thông tin nữa thì được gia đình họ nói rằng: “Khi mới bị bệnh, cô ấy nói rằng buổi sáng đi làm, lúc ở trong phòng nhìn ra bên ngoài thấy một cô gái mặc áo trắng tinh xoa tóc đi qua đi lại dưới gốc cây sanh cổ thụ. Thấy lạ cô ấy bèn đi ra xem, tìm quanh tìm quẩn tìm hết khu vực gốc cây nhưng chẳng thấy bóng dáng của cô gái kia đâu cả. Bỗng một cơn gió lạnh ủa tới, cô thấy sấm tới mặt mày rồi liền ngã xuống. May mắn có các đồng nghiệp nhìn thấy và đưa cô vào cấp cứu kịp thời”. Kể từ khi tỉnh lại cô ấy không bình thường như trước nữa. Nghe vậy tôi bảo gia đình cứ yên tâm, rồi bảo họ về nhà chuẩn bị chút thanh bông hoa quả và nấu một nồi cháo để làm lễ thí thực. Ngay buổi trưa hôm đó tôi bảo hai vị đệ tử của tôi tới nhà họ làm lễ sám hối, phóng sinh, thí thực và cầu an cho họ. Đầu giờ chiều, cô ấy đang ở trên Viện 5 - Sơn Tây bỗng cứ đòi về chùa để quy y. Cô

bảo chỉ còn một ngày nữa thôi nếu không được quy y thì sẽ bị đọa vào Địa Ngục Phân Nhor. Gia đình nghe vậy hoảng hốt đành phải xin với bệnh viện cho cô ấy về. Vừa mới đầu giờ chiều gia đình đã đưa cô ấy tới chùa, nhìn nét mặt xanh xao, cắt không được giọt máu vì nhiều ngày không ăn không ngủ nên tôi thấy thương và bảo gia đình đưa cô vào phòng khách nghỉ ngơi. Biết không thể chậm trễ, tôi liền bảo gia đình chạy ngay ra chợ mua một chút hoa quả để vào lễ Phật. Tôi cũng nhanh chóng chuẩn bị cà sa, áo tràng để lên làm lễ. Sau khi trì Đại Bi Thập Chú và tụng Kinh Phổ Môn xong, tôi quay xuống nói chuyện, bảo cô rằng bây giờ có tâm nguyện gì thì cứ nói ra. Ngập ngừng một chút cô liền bảo: “Con đói quá, lạnh quá, không có quần áo mà mặc”. Tôi nói: “Buổi sáng thầy đã bảo hai đệ tử cúng cho rồi mà, sao bây giờ còn kêu đói kêu khát, kêu không có quần áo mặc?”. Cô ấy lại run run bảo: “Con không ăn được, bị họ cướp hết”. Tôi nói: “Vậy bây giờ thầy bảo

mọi người đi nấu cháo và chuẩn bị quần áo để cúng cho nhé”. Cô vui vẻ tạ ơn rồi cười. Tôi lại bảo: “Trong khi chờ đợi chuẩn bị đồ cúng, thầy sẽ giảng về ý nghĩa và công đức quy y Tam Bảo cho con nghe nhé. Nghe xong nếu con muốn quy y thì thầy sẽ truyền Tam Quy Y cho. Quy y rồi sẽ không bị đọa vào Địa Ngục nữa, cũng không bị đọa vào Ngã Quỷ và Súc Sinh nữa”. Thấy cô ấy vui vẻ tôi liền giảng về ý nghĩa Quy Y Tam Bảo... Giảng khoảng hơn 1 giờ đồng hồ thì tôi dừng lại và hỏi cô rằng: “Bây giờ đã biết về ý nghĩa, công đức, lợi ích của việc quy y Tam Bảo rồi, lúc này con có muốn quy y không? Nếu muốn thầy sẽ truyền giới quy y cho cả hai đứa (tức là cả vong linh và cô ấy) luôn”. Cô khóc nức nở rồi lễ bái lia lịa xin được quy y. Tôi hỏi: “Vậy bây giờ con muốn ăn mặc trước hay quy y trước?”. Cô bảo: “Con muốn quy y trước”. Tôi liền theo nghi thức và truyền giới quy y cho họ. Sau ba lần phát nguyện Tam Quy, rồi ba lần phát nguyện Tam Kết, trên khuôn mặt

cô ấy bỗng hồng hào và sáng hẳn ra. Sau ba lần phát nguyện nữa thì cô ấy như đã khỏe hẳn. Truyền giới quy y Tam Bảo xong, tôi hỏi rằng: “Bây giờ sao rồi, con còn đói không và có quần áo mặc chưa?”. Cô ấy bảo: “Thưa thầy, con không đói nữa”. Tôi nhìn vào mấy bộ quần áo giấy và chiếc nón giấy cười mà bảo rằng: “Còn cái này thì sao? Có muốn nữa không?” (Trong khi gia đình ra chợ mua sắm lễ đã tự mua thêm những thứ đồ đó chứ chùa tôi không cúng cái đó bao giờ). Cô ấy lắc đầu bảo: “Thưa thầy, con có đầy đủ rồi”. Tôi nói đùa rằng: “Thầy đã cúng cho đâu mà bảo có đầy đủ rồi?”. Cô bảo: “Thưa thầy, con vừa quy y thì đã tự có đủ”. Tôi cười và nói rằng: “Phật pháp nhiệm màu thế sao. Vậy thì từ nay trở đi con phải tu tập cho tốt nhé. Con phải tinh tiến để cầu đạo giải thoát. Đây mới chỉ là bước đầu học Phật thôi, con đường phía trước còn xa và dài lắm, các con có làm được không?”. Cô ấy vui vẻ chấp tay lễ xuống mà bảo rằng: “Thưa thầy, con hứa sẽ làm được

a”. Tôi nói: “Ừ được rồi, bây giờ thì đi ra, ở lại chùa để cùng thầy và đại chúng tu tập, trả lại tấm thân cho người ta để người ta về với gia đình, chồng con”. Tôi lại hỏi thêm: “Thế có tự ra được không hay là phải để thầy giúp đỡ?”. Cô bảo: “Thưa thầy, con tự ra được”. Tôi nói: “Tốt! Vậy thì ra đi”. Tôi vừa nói xong cô ấy ngã vật ra đằng sau. Trong khoảng giây lát thân thể của cô gái kia tỉnh lại và hỏi mọi người: “Tại sao con lại ở đây...?”. Tôi cười bảo: “Tại con thích ăn cơm chay nhà chùa nên mới ở đây đó!”.

Qua những câu chuyện mà tôi vừa kể, các quý vị có đủ niềm tin không? Nếu không tin thì tôi mất cái gì nhỉ? Và nếu quý vị có tin thì tôi được cái gì nhỉ?

Nói tóm lại, nếu đối với việc quy y Tam Bảo mà chúng ta tin được, chúng ta làm theo được thì các quý vị sẽ được công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ có chư Phật, Bồ Tát mới biết được đầy đủ các quý vị được bao nhiêu công đức và lợi ích. Nhưng có một điều

mà tôi biết và chắc chắn rằng: “Nếu chúng ta chân thật quy y Tam Bảo, chúng ta sẽ vĩnh viễn thoát được ba đường ác đạo Địa Ngục, Ngã Quỷ và Súc Sinh”.

Giúp chúng ta tiến lên thành Phật.

Trong Nghi Thức Truyền Giới phần khai đạo Đức Phật có dạy rằng: “Các thiện nam tử, các thiện nữ nhân ba cõi không yên giống như nhà lửa. Muốn xa lìa các cõi khổ thì phải hướng về ngôi Tam Bảo. Người muốn thoát khỏi bến sinh tử luân hồi không thể bỏ qua sự thụ trì giới pháp mà được. Giới như chiếc bè báu đưa người qua biển khổ, giới như khu đất bằng phẳng, muôn vật từ đây mà phát sinh. Giới như ngọn đèn sáng, chiếu phá các chỗ tối tăm. Giới là con đường thẳng tắt đưa đến cõi Nhân Thiên, là cửa ngõ vào cảnh giới Niết Bàn”. Cho nên trong Kinh mới nói rằng: “Nếu có chúng sinh nào muốn dứt trừ các khổ, hưởng sự vui Vô Thượng Niết Bàn thì phải thụ Tam Quy, trì Ngũ Giới. Nếu người nào giữ được thanh tịnh, cho đến trong giây

phút quy y Tam Bảo, người đó ở đời vị lai cũng được chứng quả Niết Bàn”.

Thật vậy, qua lời dạy của Đức Phật chúng ta nhận thấy rằng quy y Tam Bảo chính là nền tảng, nấc thang đầu tiên quan trọng nhất đối với tất cả những người con Phật, không kể là tại gia hay xuất gia. Tại gia phật tử từ Tam Quy mà tiến lên Ngũ Giới, rồi Bát Quan Trai Giới, cho đến Bồ Tát Giới Tại Gia. Ngũ giới gồm Không Sát Sinh, Không Trộm Cắp, Không Tà Dâm, Không Vọng Ngữ, Không Uống Rượu. Đây là năm giới căn bản, nó thuộc về thông giới, dành cho cả những người xuất gia khi mới vào cửa đạo. Bát Quan Trai Giới là giới Đức Phật riêng thuyết cho các Phật tử tại gia tu tập tinh tiến, muốn gieo trồng hạt giống Bồ Đề nhưng vì gia duyên chưa thể dứt bỏ hẳn, vậy nên Đức Phật đã phương tiện thuyết tám giới này hướng cho các Phật tử tập sự sống một cuộc sống thanh tịnh một ngày một đêm giống như người xuất gia. Phật tử phát nguyện thụ tám

giới này phải tới Tịnh Viện, Tịnh Xá, Tịnh Thất, Niệm Phật Đường, Chùa chiền... có Chư Tăng Ni tu tập để truyền giới cho mới được. Quý vị phải phát nguyện thọ giới Bát Quan Trai đủ 24 tiếng, tức là một ngày một đêm trọn vẹn mới thành tựu được giới. Lưu ý chư Tăng Ni truyền giới cũng phải tu tập và giữ đủ tám giới như các Phật tử hôm thọ giới thì lần truyền giới đó mới thành tựu. Tám giới ấy là:

1. Không Sát Sinh.
2. Không Trộm Cắp.
3. Không Dâm Dục (Phật tử thọ Bát Quan Trai một ngày một đêm không được dâm dục).
4. Không Vọng Ngữ.
5. Không Uống Rượu.
6. Không Đeo Đồ Trang Sức, Không Đàn Ca Múa Hát, Cũng Không Đến Xem Nghe.
7. Không Nằm Giường Cao Rộng Lớn.
8. Không Ăn Phi Thời. Đây chính là Tám Giới mà Đức Phật tuyên thuyết, dành riêng cho các Phật tử tại gia để tinh tiến tu hành theo hạnh của người xuất gia. Ở đây tuy không phải dành cho các Phật tử mới quy

y Tam Bảo nhưng cũng có thể xem qua để biết mà hướng tới phát nguyện thụ trì. Vì trong Luật Tạng có nói rằng: “Người thụ trì Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm như pháp, công đức bằng người thụ Ngũ Giới tu tập cả một trăm năm”. Ôi công đức lớn lao như vậy nên tôi cũng chẳng quản ngại nói ra, biết đâu trong tương lai có Phật tử nào đọc được họ phát tâm thụ trì. Đây thật chẳng phải là từ sáng mà ra chỗ sáng hơn ư! Còn một loại giới pháp cao tột nữa Đức Phật dành cho các phật tử đó là Giới Bồ Tát dành cho các Phật tử tại gia. Pháp này có Sáu Giới Trọng và Hai Mươi Tám Giới Khinh. Quý Phật tử nào đủ duyên nguyện thụ giới này thì chúng ta phải tới cầu thỉnh chư Tăng Ni khai thị và truyền giới cho.

Trên đây là nói những phần đại cương về giới luật mà Đức Phật dành cho các phật tử tại gia. Đối với giới luật của Tăng Ni xuất gia thì còn nhiều hơn nữa. Thiết nghĩ Phật tử chúng ta cũng chưa cần phải tìm hiểu để làm

gì. Và lại trong Luật Tạng, Đức Phật không cho phép Phật tử tại gia lén học, lén nghe; kể cả người chưa xuất gia khi chưa thụ giới cũng không được đọc, nếu lén đọc sẽ phạm giới, sẽ đọa A Tỳ Địa Ngục.

Tóm lại dù xuất gia hay tại gia, tất cả đều từ cánh cửa “Quy Y Tam Bảo” mà vào. Nếu không đi qua cánh cửa tất nhiên chúng ta không thể bước vào trong nhà. Lại nói “Tam Quy” thường ví như “Nền Tảng Vững Chắc” để xây dựng lên một căn nhà. Nền móng càng vững chắc thì ngôi nhà đó càng an toàn, thậm chí chúng ta có thể xây dựng nó trở thành một lâu các nguy nga, tráng lệ. Tất cả mười phương ba đời chư Phật đều từ nền tảng “Quy Y Tam Bảo” này mà thành Phật. Tất cả chư vị Bồ Tát ở đời vị lai cũng từ nền tảng “Quy Y Tam Bảo” này mà thành Phật. Cho đến tất cả chúng sinh cũng từ nền tảng “Quy Y Tam Bảo” này mà thành Phật. Vậy nên mới nói: “Quy Y Tam Bảo” giúp cho chúng ta thành Phật là vậy.

KẾT LUẬN

Như vậy quý liên hữu Phật tử chúng ta nhận thấy việc “Quy Y Tam Bảo” đích thực là một việc làm trọng đại, một sự nghiệp hết sức quan trọng đối với một kiếp người nhỏ bé, ngắn ngủi của chúng ta. Tại sao lại nói là hết sức quan trọng? Vì nó sẽ quyết định phần sinh tử còn lại mãi mãi về sau của chúng ta. Nếu sau khi như pháp quy y, chúng ta tinh tiến tu hành, chúng ta gieo rắc, tưới tẩm những hạt giống Bồ Đề vào trong tâm khảm A Lại Da thức của mình, một kiếp không xa, khi hạt giống Bồ Đề ấy lớn, chắc chắn chúng ta sẽ phát nguyện xuất gia tu hành và thành đạo, sẽ tiếp bước chư Phật để phổ độ chúng sinh. Phật tử chân chính quy y Phật rồi không được quy y với hung thần, quỷ vật, nghĩa là không được đi xem đồng bóng bói toán, hoặc khen ngợi việc đồng bóng bói toán, vì tất cả các vị quỷ thần đó vẫn còn ở trong vòng sinh tử luân hồi. Cũng chẳng được làm bùa chú để hại người hại vật... Phật tử chân chính quy y

Pháp rồi không được quy y với ngoại đạo, tà giáo. Vì bọn ngoại đạo, tà giáo là bọn chuyên đi lừa gạt chúng sinh. Họ đem chiến tranh, chét chóc để quảng bá cho tà thuyết, tà giáo của họ, rồi cuộc sẽ bị đọa lạc lâu dài trong ba đường ác. Phật tử chân chính quy y Tăng không được quy y với tôn hữu, ác đảng. Vì bọn này chuyên đi cướp bóc hại người hại vật, lập bè kết đảng để tranh giành quyền lực, lũng loạn kỷ cương pháp luật của đất nước... cho nên Phật tử chúng ta không tin và cũng không theo những kẻ như vậy.

Khi phát nguyện thụ trì Tam Quy, chúng ta phải như pháp thụ trì đầy đủ cả Sự và Lý khi quy y. Không được ỷ lại bên ngoài mà sao lãng bên trong, cũng không nên tự cao tự đại võ ngực ta đây mà bỏ qua bên ngoài. Muốn quy y thì phải đi tìm một vị Thầy tốt, chân thực tu hành để cầu Thầy khai đàn trao truyền giới pháp cho. Vì trong buổi lễ thụ pháp đầu tiên này rất quan trọng, nó đánh dấu một bước ngoặt to lớn trong tiến trình cầu đạo giải

thoát. Buổi lễ ấy cũng giống như một phần thưởng đầu đời quý giá đối với chúng ta. Vì vậy, buổi lễ càng trang nghiêm, càng thanh tịnh thì chúng ta càng có ấn tượng khắc sâu trong lòng. Một khi chúng ta đã phát nguyện thì phải dũng mãnh tiến lên để mà đi tới đích. Chúng ta phải noi theo tấm gương của chư Phật và Bồ Tát để mà tu hành. Phải rèn luyện tâm tính của mình sao cho ngày càng an tịnh, lòng từ bi thương yêu ngày một lớn thêm. Nguyện một lòng quyết tâm bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện, gần gũi minh sư, thân cận bạn hiền. Lại nhất tâm tụng Kinh, trì Chú, niệm Phật, tham Thiền, phóng sinh, tu phúc, hộ trì Tam Bảo... đem công đức đó để hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, nguyện tới khi xả bỏ báo thân thời được sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Mi Đà.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát Tác Đại Chứng Minh.

PHẦN PHỤ LỤC

NGHI THỨC QUY Y TAM BẢO

Người muốn quy y Tam Bảo, trước phải đến lễ cầu Thầy, Thầy hứa khả rồi đến ngày truyền giới thì tới thụ pháp. Thầy Điển Lễ sắp xếp cho tất cả các giới tử trang nghiêm vân tập tại đạo tràng rồi bố trí đại diện khoảng vài giới tử ra lễ Tăng (lễ Thầy) để cầu giới.

Thầy Điển Lễ hướng dẫn cho các giới tử vào lễ lễ Tăng:

- Nam Mô Bản Sư Thích Ca mâu Ni Phật!

- Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính bạch: Trên Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng! Từ bi hoan hỷ bố thí cho chúng con có duyên sự ra đầu thành đỉnh lễ con xin tác bạch ạ! *(Lễ xuống một lễ rồi quỳ trang nghiêm chấp tay bạch rằng)*

- Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính bạch: Trên Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng! Từ bi hoan hỷ bố thí cho

chúng con tên là: từ lâu có lòng khát ngưỡng quy y Tam Bảo. Nay hội đủ duyên lành, chúng con tới đỉnh lễ cầu cầu trên chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng thù từ, hứa khả trao truyền Quy Giới cho chúng con được ân chiêm công đức ạ!

(Quy yên đợi Hòa Thượng hoặc Thượng Tọa bảo)

- A Mi Đà Phật! Thật là quý hóa, các quý vị bấy lâu đã có lòng khát ngưỡng quy y Tam Bảo. Nay đủ duyên lành các quý vị đến cầu xin trên Đại Đức Tăng trao truyền Quy Giới. Trên Đại Đức Tăng rất hoan hỷ và hứa khả nhận lời để truyền giới cho các quý vị. Vậy các quý vị hãy như pháp lễ Phật, lễ Tổ, Chư vị Thánh Hiền chứng minh cho.

(Hòa Thượng, hoặc Thượng Tọa bảo xong, giới tử bạch rằng)

- Nam Mô A Mi Đà Phật! Trên chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng đã từ bi hứa khả cho rồi, chúng con xin nhất nhất đầu thành đỉnh lễ cúng dàng ạ!

(Bạch xong giới tử khởi thân lễ xuống 3 lễ)

Đợi cho giới tử lễ xong, Thầy Điền Lễ tác bạch và cung nghinh chư Tôn Đức quang lâm lễ đài để chứng minh và trao truyền Quy Giới.

GIỚI SỬ NIÊM HƯỜNG BẠCH PHẬT

- Ai Nấy Cung Kính: Đốc Lòng Kính Lay Phật - Pháp - Tăng Thường Ở Khắp Mười Phương. (1 lễ) o

*Nguyện Dem Lòng Thành Kính,
Gửi Theo Đám Mây Hương,
Phảng Phất Khắp Mười Phương,
Cúng Dàng Ngôi Tam Bảo,
Thề Trọn Đời Giữ Đạo,
Theo Tự Tính Làm Lành,
Cùng Pháp Giới Chúng Sinh,
Cầu Phật Từ Gia Hộ,
Tâm Bồ Đề Kiên Cố,*

Xa Bể Khổ Sông Mê,

Chóng Quay Về Bờ Giác. o

- Cúng Dàng Đoạn, Dốc Lòng Kính Lạy
Phật - Pháp - Tăng Thường Ở Khắp Mười
Phương. *(1 lễ) o*

-Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Tận Hư
Không Biến Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai Thập
Phương Chư Phật-Đà-Da. *(1 lễ) o*

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Tận Hư
Không Biến Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai Thập
Phương Chư Đạt-Ma-Da. *(1 lễ) o*

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Tận Hư
Không Biến Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai Thập
Phương Chư Tăng-Già-Da. *(1 lễ) o*

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Sa Bà Giáo
Chủ Điều Ngự Bản Sư Thích Ca Mâu Ni
Phật; Long Hoa Giáo Chủ Di Lặc Tôn Phật;
Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát; Đại Hạnh
Phổ Hiền Bồ Tát, Kỳ Viên Hội Thượng Phật
Bồ Tát. *(1 lễ) o*

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Mi Đà Phật; Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát; Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát; Liên Trì Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lễ) o

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Nam Mô Tây Thiên, Đông Độ, Việt Nam Nhất Thiết Chư Vị Lịch Đại Tổ Sư. (1 lễ) o

- Nhất Tâm Đỉnh Lễ: Tam Châu Cảm Ứng Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát. (1 lễ) o

TÁN LƯ HƯƠNG

(Giới Sư và đại chúng đồng tán)

Lư hương vừa bén

Chiên đàn khói thơm,

Ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,

Lòng con kính ngưỡng thiết tha,

Nguyện mong chư Phật thương mà chứng minh.

- Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

(3 biến) o

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHÂN NGÔN

- Án-tu lị, tu lị, ma ha tu lị, tu tu lị, tát bà ha. *(3 biến) o*

TỊNH THÂN NGHIỆP CHÂN NGÔN

- Án-tu đa lị, tu đa lị, tu ma lị, sa bà ha. *(3 biến) o*

TỊNH TAM NGHIỆP CHÂN NGÔN

- Án-sa phạ bà phạ, chuật đà sa phạ, đạt ma sa phạ, bà phạ chuật độ hám. *(3 biến) o*

AN THỔ ĐỊA CHÂN NGÔN

- Nam mô tam mãn đà một đà nẫm, án độ rô độ rô, địa vĩ tát bà ha. *(3 biến) o*

PHẢ CÚNG DÀNG CHÂN NGÔN

- Án-nga nga nẵng, tam bà phạ phiệt nhật la hộc. *(3 biến) o*

KHAI LUẬT TẠNG

Pháp Phật cao sâu rất nhiệm màu,
Nghìn muôn ức kiếp dễ hay đâu,
Con nay nghe thấy xin vâng giữ,
Nguyện giải Như-Lai Tỳ-Ni nghĩa.

- Nam Mô Khai Luật Tạng Bồ Tát Ma Ha
Tát. (3 biến) o o o

*(Thầy giới sư dùng mõ, đại chúng trang
nghiêm để nghe Thầy Giới Sư khai đạo).*

GIỚI SƯ KHAI ĐẠO

Các thiện nam (tín nữ) hãy lắng nghe!
Đức Phật có dạy rằng: “Ba cõi không yên,
giống như nhà lửa. Muốn xa lìa cõi khổ thì
phải hướng về ngôi Tam Bảo. Người muốn
thoát khỏi bến sinh tử luân hồi không thể bỏ
qua sự thụ trì giới pháp mà được. Giới như
chiếc bè báu đưa người qua biển khổ, giới
như khu đất bằng phẳng, muôn vật từ đây mà
phát sinh. Giới như ngọn đèn sáng, chiếu phá

các chỗ tối tăm. Giới là con đường thẳng tắt đưa đến cõi Nhân Thiên, là cửa ngõ vào cảnh giới Niết Bàn”. Cho nên trong Kinh mới nói rằng: “Nếu có chúng sinh nào muốn dứt trừ các khổ, hưởng sự vui Vô Thượng Niết Bàn thì phải thụ Tam Quy, trì Ngũ Giới. Nếu người nào giữ được thanh tịnh, cho đến trong giây phút quy y Tam Bảo, người đó ở đời vị lai cũng được chứng quả Niết Bàn”.

GIỚI SƯ GIẢNG VỀ Ý NGHĨA SÁM HỐI

Quý thiện nam (tín nữ)! Trong Luật tạng Đức Phật có dạy rằng: “Người muốn Quy y Tam Bảo, trước phải sám hối cho thân tâm được thanh tịnh. Cũng như người muốn dùng đồ vật để chứa đựng vị cam lồ, trước phải súc rửa chiếc bình cho thật sạch. Con người khi muốn thụ Quy Giới, trước cần phải sám hối, diệt trừ phiền não cho thân tâm được thanh tịnh, sau đó mới có thể lĩnh thụ Quy Giới. Nhưng trước tiên phải hiểu về ý nghĩa sám hối là gì.

- *Sám*: Nghĩa là ăn năn, tự thú tội ra. Có nghĩa là chừa bỏ các lỗi đã làm, chẳng những tội lỗi một đời mà cho đến tội lỗi từ vô thủy kiếp cũng phải ăn năn để mà thú tội ra.

- *Hối*: Nghĩa là hối hận. Biết lỗi rồi thì phải chừa bỏ, từ nay nguyện thay đổi không cho tội lỗi phát sinh nữa. Cũng ví như chiếc áo bẩn, đã giặt sạch rồi thì phải giữ gìn cẩn thận không cho dính bụi bẩn nữa.

Quý thiện nam (tín nữ) đã nghe tôi giảng đại ý về ý nghĩa Sám Hối rồi, vậy các quý vị hãy đứng dậy lễ Phật một lễ rồi quỳ xuống chấp tay trang nghiêm để cầu xin sám hối. Quý vị hãy chú ý, tôi đọc trước các quý vị phát nguyện sám hối đọc theo sau để cho thân tâm được thanh tịnh.

Xưa kia gây nên bao ác nghiệp

Đều vì vô thủy tham, sân, si

Bởi thân, miệng, ý phát sinh ra,

Hết thảy từ nay xin sám hối,

Bao nghiệp chướng gây nên như thế,
 Đều tiêu tan một chút không còn,
 Niệm niệm cùng khắp trong cõi pháp,
 Rộng độ chúng sinh chẳng thoái lui.

- Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát.

(đọc 3 lần, lễ 1 lễ).

Các thiện nam (tín nữ)! Vừa xong các quý vị đã như pháp sám hối, giờ này thân tâm các quý vị đã được thanh tịnh, vậy các quý vị có thể hoan hỷ, nhất tâm để cầu thụ giới. Bây giờ tôi đọc trước các quý vị nhất tâm tuyên thệ phát nguyện theo sau:

PHÁT NGUYỆN TAM QUY Y

- A Xà Lê Tôn Niệm:.....
- Đệ tử chúng con tên là:.....
- Kể từ nay cho đến lúc lâm chung:.....
- Quy y Phật Đà lương túc tôn:
- Quy y Đạt Ma ly dục tôn:.....

- Quy y Tăng Già chư chúng trung tôn:.....

- Nay đã Quy y Phật rồi, xin kính Phật làm thầy. Bắt đầu từ nay cho đến lúc lâm chung, không Quy y hung thần, quỷ vật.

- Nay đã Quy y Pháp rồi, xin lấy Pháp làm thầy. Bắt đầu từ nay cho đến lúc lâm chung, không Quy y ngoại đạo, tà giáo.

- Nay đã Quy y Tăng rồi, xin kính Tăng làm thầy. Bắt đầu từ nay cho đến lúc lâm chung, không Quy y tổn hữu, ác đảng.

PHÁT NGUYỆN TAM KẾT

Các quý vị thiện nam tín nữ! Vừa qua các quý vị đã ba lần phát nguyện Tam Quy, như vậy từ giờ phút này trở đi, các quý vị đã chính thức là Phật tử, là một người con tại gia của Đức Phật. Để cho y chí tiến tu thêm mạnh, giờ này các quý vị tiếp tục theo tôi hướng dẫn để phát nguyện Tam Kết:

- Đệ tử chúng con: Pháp danh là:....., kể từ nay cho đến mãi về sau. Quy y Phật rồi, không bị đọa vào Địa Ngục; Quy y Pháp rồi, không bị đọa làm Ngã Quỷ; Quy y Tăng rồi, không bị đọa làm Súc Sinh.

NGUYỆN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Các quý vị Phật tử! Sau khi phát nguyện Tam Kết rồi, để Tâm Bồ Đề được kiên cố, bây giờ các quý vị tiếp tục theo tôi hướng dẫn để lập nguyện Phát Bồ Đề Tâm:

- Chúng con Quy y Phật rồi, nguyện đời đời lễ kính Chư Phật; Quy y Pháp rồi, nguyện đời đời tu học Chính Pháp; Quy y Tăng rồi, nguyện đời đời tôn kính Chư Tăng.

**Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ,**

**Tự tính phiền não thế nguyện đoạn,
Tự tính pháp môn thế nguyện học,
Tự tính Phật đạo thế nguyện thành.**

Quý liên hữu Phật tử, từ nay trở đi các quý vị đã chính thức là một Phật tử, một người con tại gia của Đức Phật. Vì vậy các quý vị suốt đời phải noi theo Đức Phật để mà tu hành; phải y theo lời giáo huấn của Thầy Hòa Thượng, Thầy Giáo Thọ, Thầy A Xà Lê để mà thực hành. Nguyện bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện, phóng sinh, tu phúc, tụng Kinh, niệm Phật... để hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, tới khi xả bỏ báo thân cùng nguyện được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Giới sư bảo: “Thiện”.

Đại chúng đáp: “Nhĩ - A Mi Đà Phật!

MÃY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết Pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là Pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho người khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc làm này quý giá vô biên, đây cũng gọi là Pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, Pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng”.

Tương về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ Chính Đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nền móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch... ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người làm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra nhiều lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy “Tất cả vì Phật pháp”. Hi vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mỗi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài nghìn nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	5
PHẦN I: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	7
PHẦN II: BA BẬC TAM BẢO.....	49
PHẦN III: SỰ QUY Y TAM BẢO	55
PHẦN IV: LÝ QUY Y TAM BẢO	67
PHẦN V: QUY Y TAM BẢO CÓ LỢI ÍCH GÌ ?.....	71
KẾT LUẬN.....	88
PHẦN PHỤ LỤC: NGHI THỨC QUY Y TAM BẢO.....	91
MẤY LỜI TÂM HUYẾT	104